



BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TẠP CHÍ KINH TẾ VÀ DỰ BÁO

DIỄN ĐÀN
DỰ BÁO KINH TẾ
VIỆT NAM 2022-2023

KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG VÀ TRIỂN VỌNG MỘT SỐ NGÀNH KINH TẾ CHÍNH

HÀ NỘI, 12.5.2022

TÀI LIỆU CHƯƠNG TRÌNH

CHƯƠNG TRÌNH DIỄN ĐÀN

Dự báo kinh tế Việt Nam 2022-2023: Kịch bản tăng trưởng và triển vọng một số ngành kinh tế chính

Thời gian : 8:00-11:30, ngày 12/5/2022

Địa điểm : Trung tâm Hội nghị Quốc tế, số 35, Hùng Vương, Hà Nội

Đơn vị chủ trì : Tạp chí Kinh tế và Dự báo

Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
8:00 – 8:30	Đón tiếp đại biểu, kiểm tra an toàn phòng chống dịch Covid-19 (*)	Ban Tổ chức
8:45 - 9:00	Phát biểu khai mạc	Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Trần Quốc Phương
9h:00 - 9:10	Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội: Cơ hội, yêu cầu và thách thức	Ông Phan Đức Hiếu, Ủy viên thường trực Ủy ban Kinh tế của Quốc hội
9:10 - 9:25	Triển vọng kinh tế toàn cầu và khuyến nghị chính sách cho Việt Nam	Ông Francois Painchaud, Trưởng đại diện Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) tại Việt Nam
9:25-9:40	Kịch bản và động lực tăng trưởng kinh tế Việt Nam 2022-2023	TS. Cán Văn Lực, Thành viên Hội đồng Tư vấn Chính sách Tài chính Tiền tệ Quốc gia
9:40 – 9h:55	Dự báo bức tranh lạm phát Việt Nam năm 2022-2023 nhìn từ các biến số kinh tế chính.	TS. Nguyễn Bích Lâm, nguyên Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê
9h:55-10:10	Dự báo và giải pháp phát triển nền kinh tế số trở thành nguồn lực và động lực cho tăng trưởng Việt Nam.	GS, TS. Trần Thọ Đạt, Thành viên Tổ tư vấn kinh tế của Thủ tướng, Thành viên Hội đồng Biên tập Tạp chí Kinh tế và Dự báo
10:10-10:25	Dự báo bức tranh tăng trưởng các ngành kinh tế chính tại Việt Nam giai đoạn 2022-2023 nhìn từ phân tích chuỗi dữ liệu thực.	Ông Nguyễn Quang Thuân, Chủ tịch FiinGroup

10h25-10h35	Nghỉ giải lao	
10h35-11h30	Tọa đàm: Nhận diện cơ hội và thách thức trong hoạt động đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam.	- Điều phối: ThS. Phan Đức Hiếu, Ủy viên thường trực Ủy ban kinh tế của Quốc hội. - Thành phần tham gia tọa đàm: + Các diễn giả; + Lãnh đạo một số doanh nghiệp, Hiệp hội (trong ngành tài chính, xuất nhập khẩu, đầu tư...).
11:30-11h40	Tổng kết và bế mạc hội thảo	Bà Nguyễn Lệ Thủy, Tổng Biên tập Tạp chí Kinh tế và Dự báo

() Theo yêu cầu của Ban Tổ chức, nhằm đảm bảo an toàn sức khỏe cho các thành viên dự Diễn đàn.*

**Phát biểu khai mạc của Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Trần Quốc
Phương tại Diễn đàn:**

“Dự báo kinh tế Việt Nam 2022-2023:

Kịch bản tăng trưởng và triển vọng một số ngành kinh tế chính”

*Kính thưa Ông Francois Painchaud, Trưởng đại diện Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF)
tại Việt Nam*

*Kính thưa Ông Phan Đức Hiếu, Ủy viên thường trực Ủy ban Kinh tế của Quốc
hội*

Kính thưa các quý vị đại biểu,

Thay mặt Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tôi xin nhiệt liệt chào mừng các quý vị đến
tham dự Diễn đàn “Dự báo kinh tế Việt Nam 2022-2023: Kịch bản tăng trưởng
và triển vọng một số ngành kinh tế chính”.

Như các quý vị đã biết,

Năm 2022 là năm có ý nghĩa quan trọng, tạo nền tảng thực hiện các mục
tiêu của Kế hoạch 5 năm 2021-2025. Dự báo tình hình quốc tế, trong nước có
những thuận lợi, cơ hội và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách
thức nhiều hơn. Đầu năm 2022, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP
ngày 08/1/2022 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh
tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 và Nghị quyết số 11/NQ-CP
ngày 30/1/2022 về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển
khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ
trợ Chương trình.

Tại Nghị quyết số 01, Chính phủ đặt ra các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã
hội của năm 2022, theo đó; Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) đạt
khoảng 6-6,5%; GDP bình quân đầu người đạt khoảng 3.900 USD; Tỷ trọng công
nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP đạt khoảng 25,5-25,8%; Tốc độ tăng chỉ số

giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng 4%; Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân khoảng 5,5%; Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội đạt 27,5%. Cùng với đó, tại Nghị quyết số 11/NQ-CP, Chính phủ đặt mục tiêu phục hồi, phát triển nhanh hoạt động sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy các động lực tăng trưởng, ưu tiên một số ngành, lĩnh vực quan trọng, phân đầu đạt mục tiêu của giai đoạn 2021 - 2025 với tăng trưởng GDP bình quân 6,5 - 7%/năm; tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%; giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn trong trung hạn và dài hạn...

Đi qua 4 tháng đầu năm 2022, mặc dù tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, nhưng nhìn chung nền kinh tế nước ta tiếp tục phục hồi và có nhiều dấu hiệu khởi sắc ở một số ngành, lĩnh vực. Cụ thể, tăng trưởng GDP quý I/2022 ước đạt 5,03% so với cùng kỳ; lạm phát được kiểm soát, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) 4 tháng đầu năm 2022 tăng 2,1%, các cân đối lớn về tài chính, tiền tệ, tín dụng cơ bản được bảo đảm, thu ngân sách nhà nước đạt kết quả khả quan.

Điều đáng mừng là quý I/2022, Chỉ số Môi trường kinh doanh của Việt Nam tăng lên 73 điểm phần trăm, tăng 12 điểm phần trăm so với quý IV/2021, là mức cao nhất kể từ sau đợt dịch bùng phát lần thứ 4. Số doanh nghiệp thành lập mới trong 4 tháng đầu năm 2022 đạt 49.591 doanh nghiệp, là mức cao nhất trong giai đoạn 4 tháng đầu năm từ trước đến nay tại Việt Nam. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 4 tháng đầu năm 2022 ước đạt 5,92 tỷ USD, là giá trị cao nhất trong 4 tháng đầu năm trong các năm 2018-2022, tạo động lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế năm 2022.

Với vai trò là Cơ quan tham mưu tổng hợp của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận thấy, quyết sách nói lỏng các quy định chống dịch và tiếp tục phục hồi phát triển kinh tế của Chính phủ đã giúp các doanh nghiệp mở rộng đầu tư, tin tưởng và lạc quan về tương lai nền kinh tế Việt Nam.

Thưa các quý vị đại biểu,

Dù lạc quan với triển vọng kinh tế Việt Nam, nhưng chúng ta cũng nhận thấy môi trường kinh doanh ngày càng xuất hiện những thách thức mới, khó lường. Trên trường quốc tế, kinh tế Mỹ đang cho thấy những dấu hiệu chững lại, lạm phát tăng cao, khả năng thực hiện chính sách thắt chặt tiền tệ cao trong khi sức mua bị giảm thấp. Kinh tế châu Âu đang đối mặt với nguy cơ suy thoái khi giá dầu và giá kim loại tăng cao do ảnh hưởng của cuộc xung đột Nga - Ukraine. Kinh tế Trung Quốc đứng trước rủi ro tăng trưởng chậm lại... Trong khu vực ASEAN, tăng trưởng trong lĩnh vực xuất khẩu có dấu hiệu giảm động lực, chỉ số PMI tháng 3/2022 ở 51,7 điểm, là mức thấp nhất trong 6 tháng trở lại đây. Đặc biệt, lạm phát đang gia tăng tại nhiều nơi trên thế giới do giá năng lượng, lương thực trên toàn cầu tăng mạnh, đã và đang tạo tác động dây chuyền đến giá cả các hàng hóa, dịch vụ khác.

Đối với Việt Nam, từ đầu năm đến nay, chúng ta cũng đã chứng kiến một số dự báo lạc quan từ các tổ chức quốc tế, như Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) dự báo tăng trưởng kinh tế nước ta sẽ phục hồi ở mức 6,5% năm 2022 và đạt 6,7% năm 2023; Ngân hàng Thế giới dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam sẽ đạt 5,3% năm 2022, sau đó sẽ ổn định trở lại quanh mức 6,5%. Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) hạ dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2022 xuống mức 3,6%, nhưng tin rằng, tại Việt Nam, tiến trình phục hồi kinh tế sẽ mạnh lên từ việc thực thi Chương trình Phục hồi và phát triển kinh tế xã hội. GDP Việt Nam sẽ tăng trưởng ở mức 6% trong năm 2022 và 7,2% trong năm 2023...

Thưa các quý vị đại biểu,

Đại dịch Covid-19 dù đã được khống chế ở nước ta, nhưng chưa kết thúc trong khi bức tranh kinh tế - chính trị quốc tế đang có những biến động rất lớn, đòi hỏi công tác dự báo về triển vọng kinh tế vĩ mô cũng như kinh tế ngành cần được cập nhật dựa trên những phân tích khoa học, chuyên sâu và đa chiều. Thay mặt Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tôi đánh giá cao nỗ lực tổ chức Diễn đàn ***“Dự báo kinh tế Việt Nam 2022-2023: Kịch bản tăng trưởng và triển vọng một số ngành kinh tế chính”*** của Tạp chí Kinh tế và Dự báo vào thời điểm nền kinh tế vừa đi

qua 4 tháng đầu năm 2022 và đang đối diện với nhiều diễn biến mới từ bối cảnh trong nước, quốc tế. Tôi tin tưởng rằng, những phân tích, dự báo được chia sẻ tại Diễn đàn sẽ có đóng góp tích cực không chỉ với công tác hoạch định chính sách, mà còn hữu ích đối với hoạt động của các nhà đầu tư, các doanh nghiệp, để cùng hiện thực hóa mục tiêu phát triển Đất nước như các Nghị quyết của Chính phủ đã đề ra.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Diễn đàn “***Dự báo kinh tế Việt Nam 2022-2023: Kịch bản tăng trưởng và triển vọng một số ngành kinh tế chính***”.

Chúc Diễn đàn thành công tốt đẹp.

Chúc các quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Xin trân trọng cảm ơn./.

PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI: CƠ HỘI, YÊU CẦU VÀ THÁCH THỨC

Phan Đức Hiếu

Ủy viên thường trực Ủy ban Kinh tế của Quốc hội

Ngày 30/1/2022, Chính phủ đã thông qua Nghị quyết số 11/NQ-CP về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (Chương trình). Chương trình được thiết kết trên nguyên tắc nhằm tác động cả phía cung và phía cầu; có mục tiêu trọng tâm, trọng điểm, để giải quyết những vấn đề cấp bách, không dàn trải, có thời hạn - thực hiện chủ yếu trong 2 năm 2022 và 2023.

SỰ HỖ TRỢ CẦN THIẾT VÀ CẤP BÁCH

Dịch bệnh COVID-19 khiến cho tăng trưởng kinh tế của nước ta giai đoạn 2020-2021 ở mức rất thấp trong nhiều năm trở lại đây. Suy giảm ở cả 3 khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp - xây dựng và dịch vụ. Suy giảm tăng trưởng, chậm phục hồi sẽ dẫn đến nhiều vấn đề về kinh tế và an sinh xã hội: doanh nghiệp giải thể, phá sản, kinh tế không phát triển, đời sống người dân khó khăn, thất nghiệp, mất việc làm... Cùng với đó là những hệ lụy như tội phạm, bất ổn xã hội, suy thoái kinh tế theo phản ứng dây chuyền.

Dịch COVID-19 cũng làm bộc lộ một số điểm yếu của xã hội như năng lực y tế, lao động, việc làm, phát triển bền vững... đòi hỏi phải được khắc phục ngay.

Do vậy, sự hỗ trợ của nhà nước cho doanh nghiệp, nền kinh tế và xã hội là cần thiết và cấp bách. Theo tính toán của Chính phủ, nếu không có các giải pháp hỗ trợ nền kinh tế, dự báo tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2025 chỉ đạt 5,4%/năm, thấp hơn đáng kể so với mục tiêu đặt ra (6,5-7%/năm); nguy cơ tụt hậu so với khu vực và thế giới là rất lớn.

Ở phạm vi toàn cầu, trước những tác động tiêu cực của dịch COVID-19, các quốc gia đã sử dụng đồng bộ nhiều giải pháp về tài khóa và tiền tệ để hỗ trợ doanh nghiệp, người dân, với quy mô nguồn lực khác nhau, phù hợp với môi trường thể chế và khả năng huy động nguồn lực.

Trong bối cảnh nêu trên, Quốc hội nước ta đã họp phiên bất thường và thông qua Nghị quyết 43/2022/QH15 ngày 11/1/2022 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Ngay sau đó, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 30/1/2022 về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Xét về quy mô, tổng mức hỗ trợ tài khóa, tiền tệ và các hỗ trợ khác của Chương trình vào khoảng 346.800 tỷ đồng, tương đương 4,24% GDP. Trước khi có Chương trình này, trong năm 2021, nhiều chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ người dân và doanh nghiệp đã được thực hiện, với tổng quy mô các chính sách chi hỗ trợ từ tài khóa và ngoài tài khóa là 269.464 tỷ đồng, tương đương 3,2% GDP.

Tính chung trên bình diện quốc tế, quy mô các giải pháp hỗ trợ tài khóa và tiền tệ ở các nước phát triển lần lượt khoảng 10,9% GDP và 8,6% GDP; các nước mới nổi là 4,3% GDP và 3,4% GDP; các nước thu nhập thấp (trong đó có Việt Nam) là 3,2% GDP và 0,7% GDP. Một số nước xung quanh cũng đã ban hành hỗ trợ tương tự với quy mô khác nhau: Thái Lan tương đương 15% GDP, Malaysia 8,8% GDP, Indonesia 5,4% GDP, Trung quốc 6,1% GDP... So sánh quốc tế và khu vực, thì Chương trình của nước ta có quy mô tương đối lớn, phù hợp tình hình - hoàn cảnh trong nước với yêu cầu kiểm soát rủi ro vĩ mô.

Xét về mục tiêu, Chương trình nhằm giảm chi phí, hỗ trợ dòng tiền, bảo đảm tính chủ động, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế; phòng, chống dịch COVID-19 hiệu quả; bảo đảm an sinh xã hội và đời sống của người dân góp phần phục hồi, phát triển nhanh hoạt động sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy các động lực tăng trưởng, ưu tiên một số ngành, lĩnh vực quan trọng, phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng GDP bình quân 6,5 - 7%/năm giai đoạn 2021-2025. Chương trình được thiết kế trên nguyên tắc nhằm tác động cả phía cung và phía cầu; có mục tiêu trọng tâm, trọng điểm, để giải quyết những vấn đề cấp bách, không dàn trải, có thời hạn nhằm thực hiện chủ yếu trong 2 năm 2022 và 2023.

Về nội dung, Chương trình đã đưa ra 5 nhóm giải pháp lớn và nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, bao gồm: 1) Mở cửa nền kinh tế gắn với đầu tư nâng cao năng lực y tế, phòng, chống dịch bệnh. Nhóm giải pháp này gồm 3 nhiệm vụ, giải pháp cụ thể; 2) Bảo đảm an sinh xã hội và giải quyết việc làm. Nhóm này gồm 07 nhiệm vụ, giải pháp cụ thể; 3) Hỗ trợ phục hồi doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh. Nhóm này gồm 8 nhiệm vụ, giải pháp cụ thể; 4) Đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng. Nhóm này gồm 3 nhiệm vụ, giải pháp cụ thể; 5) Cải cách thể chế, cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Nhóm này gồm 5 nhiệm vụ, giải pháp cụ thể.

Về phân bổ nguồn lực thực hiện Chương trình, trong số 240.000 tỷ hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách Nhà nước, có 64.000 tỷ hỗ trợ giảm thuế, phí, lệ phí; 176.000 tỷ hỗ trợ đầu tư, phát triển; 6.600 tỷ hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động; 135.000 tỷ gia hạn thời hạn nộp thuế, tiền thuê đất; 38.400 tỷ tăng hạn mức bảo lãnh Chính phủ đối với trái phiếu phát hành trong nước cho Ngân hàng Chính sách xã hội; 46.000 tỷ nhập khẩu vaccine, thuốc điều trị và thiết bị, vật tư y tế phục vụ phòng, chống dịch COVID-19 trong trường hợp cần thiết; 5.000 tỷ phát triển hạ tầng viễn thông, internet, trong đó sử dụng tối đa 1 nghìn tỷ đồng để trang bị máy tính bảng thực hiện Chương trình “Sóng và máy tính cho em” (Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam); 5.000 tỷ hỗ trợ đổi mới công nghệ, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; giải mã công nghệ; mua

thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cho đổi mới công nghệ, phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

CƠ HỘI CỦA CHƯƠNG TRÌNH CHO NỀN KINH TẾ VÀ DOANH NGHIỆP

Như đã nêu, đây là cơ hội để khôi phục nhanh chuỗi sản xuất, cung ứng, lao động, thúc đẩy các động lực tăng trưởng, phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng bình quân 6,5 - 7%/năm giai đoạn 2021-2025. Theo tính toán của Chính phủ khi trình Quốc hội thông qua Nghị quyết về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình, việc thực hiện Chương trình được dự báo góp phần tăng trưởng GDP thêm khoảng 2,9% trong năm 2022 và 0,2% trong năm 2023, tạo điều kiện hoàn thành mục tiêu tăng trưởng GDP bình quân 6,5 - 7%/năm trong giai đoạn 2021-2025; bảo đảm ổn định việc làm, thu nhập cho người lao động, giữ tỷ lệ thất nghiệp ở mức ổn định khoảng 2-3%.

Theo dự báo của TS. Cấn Văn Lực và Nhóm tác giả Viện đào tạo và nghiên cứu BIDV(1), Chương trình sẽ tác động đến cả phía cung và phía cầu, góp phần khôi phục và thúc đẩy các hoạt động đầu tư, sản xuất và tiêu dùng, theo 2 kịch bản: Kịch bản 1 - thực hiện hiệu quả: các gói hỗ trợ được giải ngân đạt khoảng 40% năm 2022 và 50% năm 2023; Kịch bản 2 - thực hiện kém hiệu quả: việc giải ngân chậm so với dự kiến, tỷ lệ giải ngân thấp chỉ đạt 30% năm 2022 và 40% năm 2023.

Ngoài ra, Chương trình còn có tác động khác và dài hạn đến nền kinh tế như: Góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, năng suất lao động, sức cạnh tranh, nâng cao năng lực nội tại, tính tự chủ của nền kinh tế; không để lỡ nhịp với đà phục hồi kinh tế của khu vực và thế giới, nhất là những đối tác lớn của ta; góp phần tạo việc làm, hỗ trợ người lao động tìm kiếm việc làm, đào tạo, đào tạo lại, từ đó tạo ra thu nhập và chuyển đổi nghề bền vững cho người lao động; bảo đảm an sinh, an ninh và trật tự an toàn xã hội...

Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh, Chương trình còn có tác động tích cực kép, đó là cơ hội nhận hỗ trợ trực tiếp và gián tiếp. Hỗ trợ trực tiếp tập trung nhiều vào cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp và tạo điều kiện nguồn vốn cho doanh nghiệp, bao gồm giải pháp cắt, giảm thuế, phí, lệ phí cho doanh nghiệp, hỗ trợ lãi suất, cho vay ưu đãi... Hỗ trợ này tác động trực tiếp đến các doanh nghiệp, người lao động và chủ thể khác là đối tượng hưởng lợi trực tiếp. Các tác động gián tiếp được tạo ra chính là cơ hội kinh doanh tốt hơn cho mọi doanh nghiệp. Ví dụ, cải cách thể chế sẽ tạo thuận lợi hơn cho hoạt động sản xuất kinh doanh (nhanh hơn, thuận lợi hơn). Mở cửa nền kinh tế chính là khôi phục lại cơ hội kinh doanh cho doanh nghiệp. Phát triển kết cấu hạ tầng không chỉ là cơ hội kinh doanh mà còn tạo ra hạ tầng thuận tiện cho toàn bộ hoạt động đầu tư kinh doanh, cả ngắn hạn và dài hạn... Đặc biệt, cơ hội gián tiếp dành cho mọi đối tượng doanh nghiệp, bao gồm cả doanh nghiệp không thuộc phạm vi trực tiếp nhận hỗ trợ của Chương trình.

DỰ BÁO THÁCH THỨC VÀ YÊU CẦU THỰC HIỆN THÀNH CÔNG CHƯƠNG TRÌNH

Thực hiện thành công, hiệu quả, khả năng hấp thụ của Chương trình là thách thức lớn nhất được tính đến trong suốt quá trình thiết kế, xây dựng và thời gian tới là tổ chức triển khai thực hiện Chương trình. Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ nhấn mạnh, gói hỗ trợ gần 350 nghìn tỷ đồng nếu dùng không đúng, không trúng sẽ gây lãng phí nguồn lực và có lỗi với người dân⁽²⁾. Do đó, các cơ quan chịu trách nhiệm thực thi, giám sát và đối tượng thụ hưởng cần lưu ý một số yêu cầu sau đây để nhằm thực hiện thành công Chương trình.

Thứ nhất, khẩn trương, kịp thời hiện thực hóa các hỗ trợ đến tay người dân và doanh nghiệp.

Trong quá trình xây dựng và thiết kế Chương trình, nhiều chuyên gia cho rằng, việc sớm ban hành và kịp thời thực hiện Chương trình là rất quan trọng - đóng góp vào quá trình phục hồi kinh tế. Kinh nghiệm trong triển khai các chính sách hỗ trợ trước đây giúp Quốc hội và Chính phủ nhận thức rất rõ thách thức này. Quốc hội và Chính phủ đã rất nỗ lực và đã kịp thời xây dựng và ban hành Chương trình. Quốc hội đã tổ chức kỳ họp bất thường, chưa có tiền lệ để thông qua các chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình, trong đó đã xác định rõ yêu cầu: chính sách, giải pháp hỗ trợ phải khả thi, kịp thời, hiệu quả, thời gian thực hiện chủ yếu trong 2 năm 2022 và 2023; nguồn lực đưa ra có khả năng giải ngân, hấp thụ nhanh. Nghị quyết của Quốc hội đã quy định một số cơ chế đặc thù để nhằm giải pháp hỗ trợ nhanh chóng được triển khai và hoàn thành. Chính phủ đã rất khẩn trương và sớm ban hành Chương trình ngay sau khi Quốc hội thông qua chính sách tài khóa, tiền tệ.

Đến thời điểm hiện nay đã có một số hỗ trợ đã được thực thi, như: giảm thuế VAT, giảm thuế trước bạ ô tô... nhưng cũng còn nhiều hỗ trợ đang trong quá trình thể chế hóa, xây dựng hướng dẫn, chưa được hiện thực hóa, như: hỗ trợ lãi suất, hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động, gia hạn thuế và thuê đất, danh mục dự án đầu tư hạ tầng...

Do đó, việc sớm hoàn thành các hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục, điều kiện hỗ trợ để hiện thực hóa hỗ trợ đến người lao động, doanh nghiệp vừa là yêu cầu nhưng cũng đang là một thách thức. Sự khẩn trương, quyết liệt, tích cực của các cơ quan, tổ chức có liên quan là giải pháp duy nhất.

Thứ hai, hiệu quả, khả năng hấp thụ, tránh dàn trải, lãng phí nguồn lực là những yêu cầu quan trọng để giúp đạt mục tiêu phục hồi, phát triển nhanh sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng.

Để đáp ứng yêu cầu này, trong triển khai nhiều giải pháp hỗ trợ của Chương trình cũng có những thách thức. Một số hỗ trợ có phạm vi đối tượng rộng với nhu cầu hỗ trợ khác nhau, chẳng hạn như hỗ trợ 2%/năm lãi suất thông qua hệ thống ngân hàng thương mại hay hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng. Việc làm thế nào để các doanh nghiệp tiếp cận công bằng các khoản vay có hỗ trợ lãi suất cũng như lựa chọn đúng, hợp lý danh mục dự án

đầu tư cơ sở hạ tầng... cũng là một nhiệm vụ không dễ dàng. Để đáp ứng yêu cầu này và vượt qua thách thức, các cơ quan thực thi nên xem xét và bám sát một số nguyên tắc như: 1) Bám sát vào các tiêu chí phân bổ nguồn lực trong Nghị quyết của Quốc hội và Chính phủ, để từ đó xác định đối tượng hỗ trợ cũng như quy định trình tự, thủ tục và điều kiện tiếp nhận hỗ trợ. Ví dụ, cần bám sát vào 4 nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn và phân bổ vốn cho các dự án thuộc Chương trình trong Nghị quyết 43 của Quốc hội. 2) Các điều kiện, trình tự, thủ tục để phân bổ và tiếp nhận các hỗ trợ phải được thiết kế đơn giản, phù hợp, công bằng và đầy mạnh ứng dụng công nghệ. 3) Công tác thông tin kịp thời, đầy đủ và toàn diện về nội dung Chương trình cho rộng khắp đối tượng có liên quan là rất quan trọng. Các cơ quan có liên quan cần nghiên cứu, xây dựng cơ chế hỗ trợ thiết thực, hiệu quả cho đối tượng thuộc Chương trình để đảm bảo việc tiếp cận dễ dàng, công bằng (đường dây nóng, tổ giải đáp, hỗ trợ, cơ chế ghi nhận và giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc phát sinh trên thực tế). Gắn kết sự tham gia tích cực của các hiệp hội doanh nghiệp.

Thứ ba, công khai, minh bạch vừa là giải pháp vừa là yêu cầu để nâng cao hiệu lực, hiệu quả và hoàn thành mục tiêu Chương trình.

Nghị quyết của Quốc hội đã xác định rõ nguyên tắc thực hiện Chương trình phải đảm bảo cân đối hợp lý giữa các vùng, miền, địa phương, lĩnh vực, đối tượng ưu tiên; chống tiêu cực, tham nhũng, lợi ích nhóm, trục lợi chính sách; bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch(3). Các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ cũng đã đưa ra nhiều giải pháp để đảm bảo công bằng, minh bạch và chống trục lợi chính sách, như: đề cao trách nhiệm, nhất là trách nhiệm người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức, triển khai thực hiện Chương trình; tuyệt đối không để xảy ra tình trạng “xin-cho”, gây khó khăn, phiền hà, tiêu cực đối với người dân, doanh nghiệp; chủ động phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan xử lý những vướng mắc phát sinh; thường xuyên giám sát, kiểm tra, đôn đốc, có biện pháp xử lý nghiêm khắc đối với tập thể, cá nhân gây khó khăn, những nhiều người dân và doanh nghiệp, trì trệ, thiếu trách nhiệm trong thực thi công vụ,...

Để Chương trình thực sự là “phao cứu sinh” phục hồi và vực dậy nền kinh tế, đòi hỏi nỗ lực của tất cả các bên, từ Nhà nước đến người dân và doanh nghiệp. Bản thân mỗi doanh nghiệp trước hết tự thay đổi để thích ứng với thay đổi trong bối cảnh mới. Doanh nghiệp cần năng động, chủ động, sáng tạo hơn, quản trị tốt hơn để thích ứng tốt hơn với xu hướng kinh doanh mới, thói quen tiêu dùng mới và công nghệ mới. Việc thực hiện Chương trình phải gắn chặt với các chương trình, nhiệm vụ khác, như kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế, chiến lược tổng thể phòng chống dịch COVID-19, chương trình cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh... Mong rằng, tinh thần khấn trương, quyết liệt, hành động sẽ chi phối hoạt động của Chính phủ và cả Quốc hội từ nay trở đi và trở thành việc bình thường. Như vậy sẽ làm gia tăng thêm tác động và hiệu quả của Chương trình cả trong ngắn hạn và dài hạn./.



PETROVIETNAM

NĂNG LƯỢNG CHO PHÁT TRIỂN



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 18 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (024) 38252526 - Fax: (024) 38265942

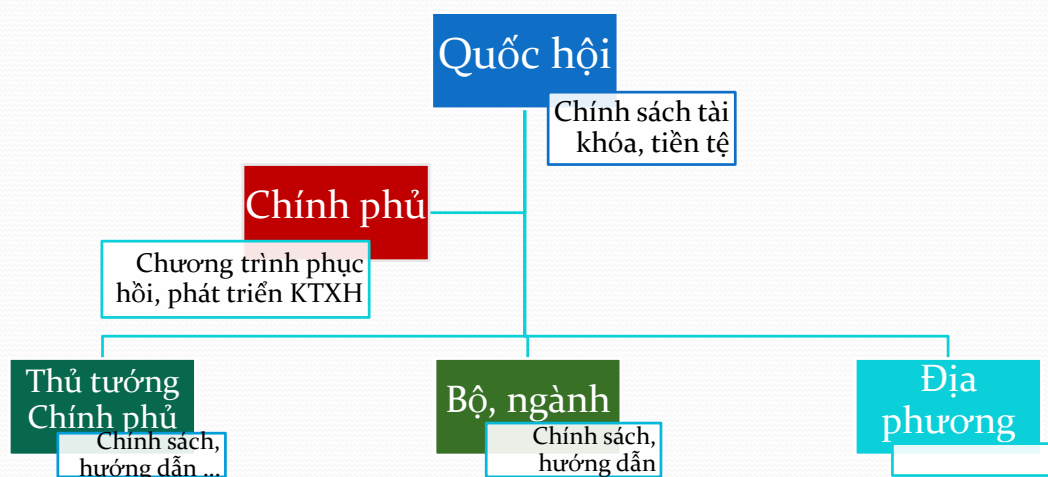
Web: www.pvn.vn

Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội

Tóm lược nội dung chính

Phan Đức Hiếu,
Ủy viên thường trực Ủy ban Kinh tế của Quốc hội

Khung chính sách tổng quan



Nội dung chính sách tài khóa, tiền tệ



Chính sách tài khóa

+ CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA



Nguồn: tổng hợp từ Nghị quyết 43

1.1. Miễn, giảm thuế	
2% VAT	Giảm 2% thuế suất VAT đối với một số nhóm hàng hóa
1.2. Chi đầu tư phát triển: 176.000 tỷ (7.66 tỷ USD)	
14.000	Xây mới, cải tạo, nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống y tế cơ sở, dự phòng
8.150	An sinh xã hội, lao động, việc làm
40.300	Hỗ trợ doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh (40.000 hỗ trợ lãi suất 2% cho một số ngành, lĩnh vực)
113.550	Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng
1.3. Chính sách khác	
6.600	Hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động
38.400	Tăng mức bảo lãnh cho Ngân hàng Chính sách xã hội

Chính sách tiền tệ

+ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ



CHÍNH SÁCH
TIỀN TỆ

↓ 0,5%-1%

Phân đầu giảm lãi suất vay 0,5%-1% trong 2 năm



Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ, miễn giảm lãi đối với khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19



Điều tiết thanh khoản để đẩy nhanh tốc độ giải ngân cho các đối tượng thụ hưởng gói hỗ trợ lãi suất



Phối hợp chính sách tài khóa để tạo điều kiện phát hành trái phiếu chính phủ



Sử dụng tối đa 46.000 tỷ từ nguồn hợp pháp để nhập khẩu vaccine, thuốc, thiết bị, vật tư y tế chống dịch covid 19 (nếu cần)



Tái cấp vốn đối với NHCSXH để cho người sử dụng lao động vay trả lương ngừng việc cho người lao động



Điều hành các công cụ và giải pháp chính sách tiền tệ để kiểm soát lạm phát, ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối, đảm bảo an toàn hoạt động của hệ thống các tổ chức tín dụng.

Nguồn: tổng hợp từ Nghị quyết 43

Chính sách khác

+ CÁC GIẢI PHÁP KHÁC QUY MÔ 10.000 TỶ ĐỒNG



Sử dụng Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích để phát triển hạ tầng viễn thông, internet

5.000
TỶ ĐỒNG



CÁC GIẢI PHÁP KHÁC
10.000
TỶ ĐỒNG

5.000
TỶ ĐỒNG



Sửa đổi cơ chế để sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp; sử dụng 5.000 tỷ để đổi mới công nghệ, ươm tạo....

Nguồn: tổng hợp từ Nghị quyết 43

Cơ chế triển khai



- **Thể chế:**
 - Xem xét, quyết định việc chỉ định thầu đối với một số hoạt động (ví dụ: gói thầu tư vấn, di dời hạ tầng kỹ thuật, thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư,...)
 - Không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy phép khai thác mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường
- **Phân quyền**
 - Ủy quyền cho UBND tỉnh quyết định giữa kỳ hợp (trường hợp cấp bách).
 - Xem xét và phân cấp UBND tỉnh có năng lực, kinh nghiệm làm chủ đầu tư dự án trên địa bàn

Vai trò, ý nghĩa, mục tiêu

- Chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế (Quốc hội) - NQ 43/QH15
- Nghị quyết 11/NQ-CP về chương trình phục hồi, phát triển kinh tế
- Có trọng tâm, trọng điểm, đúng đối tượng, giải quyết vấn đề cấp bách, kịp thời, hiệu quả, hấp thụ, có thời hạn

QUY MÔ CHƯƠNG TRÌNH

Phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội gần

350.000 tỷ

▶ Thời gian thực hiện:
TRONG 2 NĂM

▶ Mục tiêu:
TĂNG TRƯỞNG TRUNG BÌNH 6,5-7,0% GIAI ĐOẠN 2021-2025

PHÂN BÓN
PHÚ MỸ
Cho mùa bội thu



ĐẠM PHÚ MỸ + KEBO
SINH TRƯỞNG NHANH
LÁ XANH BỀN



Global Economic Development, outlook and policy recommendations for Vietnam

***Francois Painchaud
IMF Resident Representative for
Viet Nam and Lao P.D.R.***

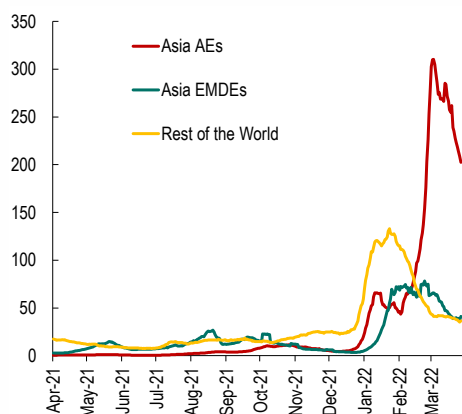
MAY 2022

Global Developments



OMICRON

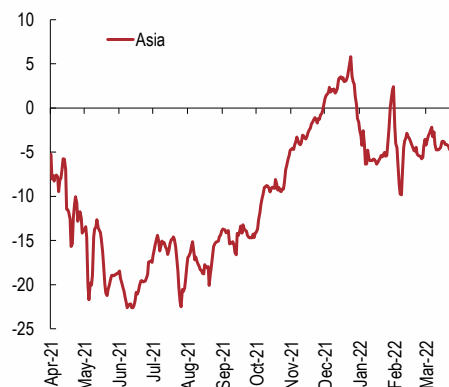
Covid-19 cases per 100,000 inhabitants
(7-day moving average)



Sources: Johns Hopkins University and IMF staff calculations.
Note: Data as of March 30, 2022.

Mobility in Asia

(Percent deviation from baseline during Jan 3 - Feb 6 2020, 7-day MA)



Source: Google COVID-19 Community Mobility Report and IMF staff calculations.
Note: The figure display the 7-day moving average of overall mobility, defined as percentage change from pre-pandemic baselines. Computed as the mean of the following categories: retail, grocery and pharmacy, parks, transit and workplaces. Median within Asia. Data as of March 31, 2022.

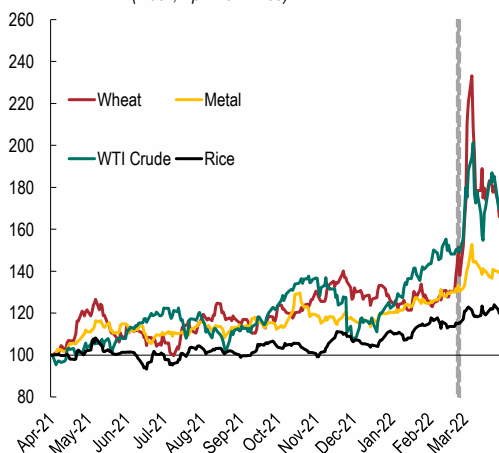
IMF Asia and Pacific Department

3



Impact of the war in Ukraine on commodity prices

Commodity prices
(Index; April 2021=100)



Source: Bloomberg LLP.
Note: Metals index based on Bloomberg Base Metals Spot Price Commodity Index with the following weights: Aluminum (45%), Copper (25%), Nickel (2%), Lead (12%), Zinc (15%), and Tin (1%). Data as of March 31, 2022.

Inflation forecast

	AEs	EMDEs
2021	3.1	5.9
2022	5.7	8.7
January 2022	3.9	5.9
Change	1.8	2.8
2023	2.5	6.5

Source: IMF World Economic Outlook as of April 5, 2022.

IMF Asia and Pacific Department

4



GDP Growth forecast

	World	AEs	US	Euro Area	EMDEs	EMDEs Asia	China
2021	6.1	5.2	5.7	5.3	6.8	7.3	8.1
2022	3.6	3.3	3.7	2.8	3.8	5.4	4.4
January 2022	4.4	3.9	4.0	3.9	4.8	5.9	4.8
Change	-0.8	-0.6	-0.3	-1.1	-1.0	-0.5	-0.4
2023	3.6	2.4	2.3	2.3	4.4	5.6	5.1

Source: IMF World Economic Outlook as of April 5, 2022.

IMF | Asia and Pacific Department

5

Vietnam: recent developments and outlook

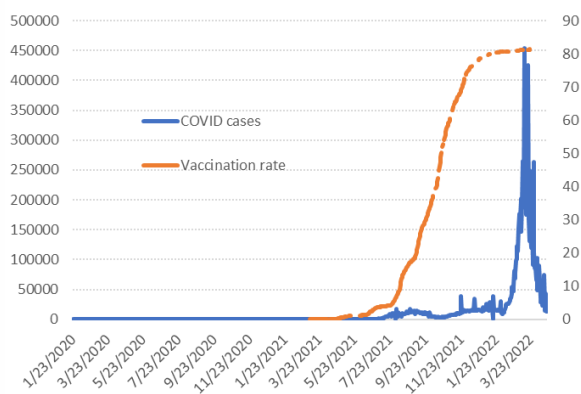
IMF | Asia and Pacific Department

6

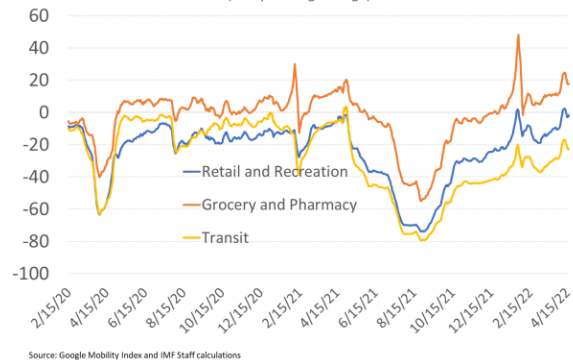


Vietnam has re-opened

COVID-19 Cases and Vaccination in Vietnam



Google Mobility Index
(7-day moving average)

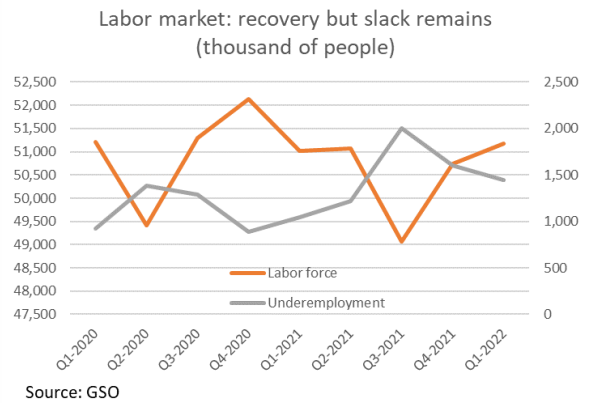
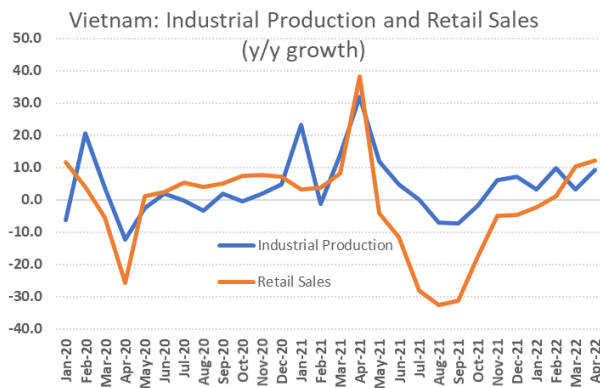


Policies have remained supportive

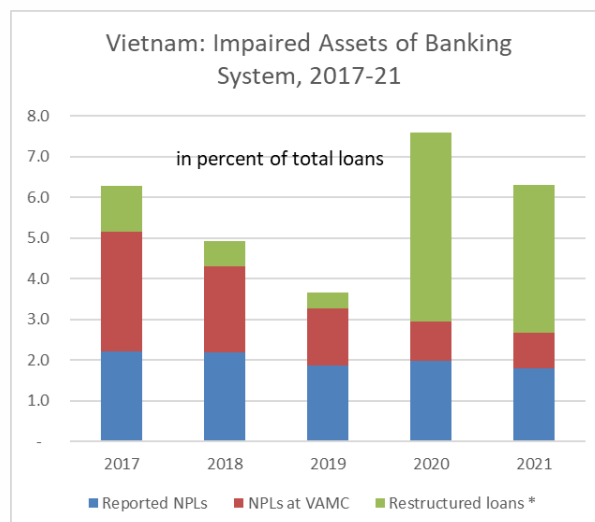
- Vietnam has successfully maintained fiscal, external, and financial stability
- Macroeconomic policies have helped cushion the impact of COVID
- The Program for Recovery and Development (PRD) is timely and well-placed to entrench the recovery



But the recovery is uneven...



Deteriorating asset quality





Impact of the war in Ukraine on Vietnam

- **Direct trade and financial links are limited**
- **Most salient and immediate impact is through the rise in commodity prices**
- **Second round effects (external demand, supply chains, ...)**
- **Overall impact: growth (-0.5) inflation (+0.8)**



Outlook

- **The recovery is projected to strengthen**
 - Growth is projected to be 6 percent in 2022 and 7.2 percent in 2023
- **Inflation is expected to edge up in the near-term**
 - In 2022-23, inflation is expected to be slightly below the SBV's target of 4.0 percent



Significant risks to the outlook

- Growth risks are tilted to the downside while inflation risks are tilted to the upside.
- The most immediate risks: geopolitical tensions and a slowdown in China.
- Other risks: tightening of global financial conditions and developments in the domestic real estate and corporate bond markets.

Policy priorities: entrenching the recovery, preserving financial stability, and promoting inclusive growth



Short-term policies

- Policymaking should be agile
- Fiscal policy should take the lead in policy support, especially if downside risks materialize
- Limited scope for further monetary easing in light of rising inflation risks.
- Financial sector: unwind forbearance and enhance monitoring



Medium-term policies

- Revenue mobilization
- Modernizing monetary policy
- Increasing banking system resilience
- Decisive structural reforms



Triển vọng Kinh tế Toàn Cầu và khuyến nghị chính sách cho Việt Nam

Francois Painchaud
Đại diện thường trú của IMF tại
Việt Nam và Lào

THÁNG 5 NĂM 2022

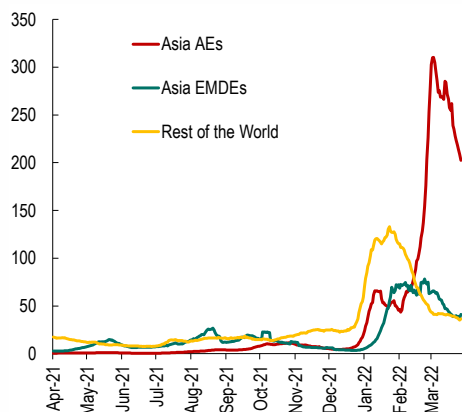
Triển Vọng Kinh Tế Toàn Cầu



OMICRON

Casualties Covid-19 per 100,000 people

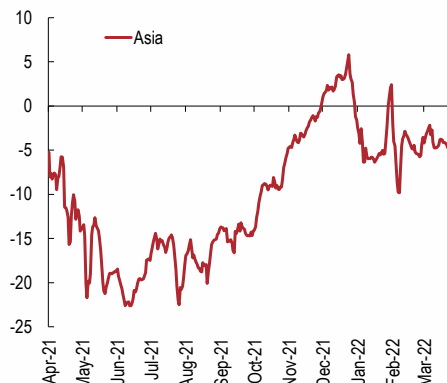
(Average over 7 days)



Source: Johns Hopkins University and calculations of the IMF.
Note: Data as of March 30, 2022.

Displacement in Asia

(Index relative to the base period of 3/1 to 6/2, 2020, TB over 7 days)



Source: Google and calculations of the IMF.
Note: This index shows the average displacement index over 7 days, calculated based on the percentage change in the KB base period before the pandemic. It is calculated based on the average value of the sectors: retail, food, services, construction, and transportation.

Note: Data as of March 31, 2022.

IMF | Yu Chau A and Thai Binh Duong

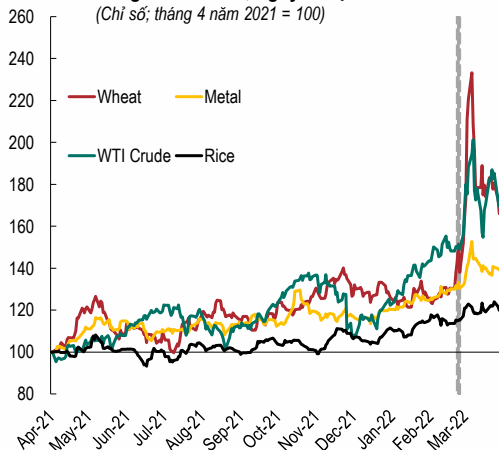
3



Tác động của cuộc chiến ở Ukraine đối với giá cả hàng hóa

Commodity prices, raw materials

(Index, base year 2021 = 100)



Source: Bloomberg LLP.

Note: The index is based on the Bloomberg Commodity Index. The index is calculated based on the average value of the sectors: Wheat (45%), Metal (25%), WTI Crude (12%), Rice (15%), and others (1%). Data as of March 31, 2022.

Forecast of inflation

	AEs	EMDEs
2021	3.1	5.9
2022	5.7	8.7
Jan-22	3.9	5.9
Thay đổi	1.8	2.8
2023	2.5	6.5

Source: IMF World Economic Outlook, April 5, 2022.

IMF | Yu Chau A and Thai Binh Duong

4



Dự báo tăng trưởng GDP

	TG	AEs	Mỹ	Châu Âu	EMDEs	EMDEs Asia	TQ
2021	6.1	5.2	5.7	5.3	6.8	7.3	8.1
2022	3.6	3.3	3.7	2.8	3.8	5.4	4.4
Tháng 1, 2022	4.4	3.9	4.0	3.9	4.8	5.9	4.8
Thay đổi	-0.8	-0.6	-0.3	-1.1	-1.0	-0.5	-0.4
2023	3.6	2.4	2.3	2.3	4.4	5.6	5.1

Nguồn: Triển vọng Kinh tế Thế giới của IMF, ngày 5 tháng 4 năm 2022.

IMF | Vụ Châu Á và Thái Bình Dương

5

Việt Nam: những diễn biến gần đây và triển vọng kinh tế

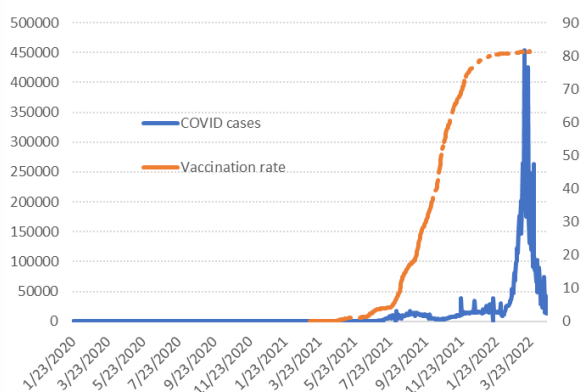
IMF | Asia and Pacific Department

6

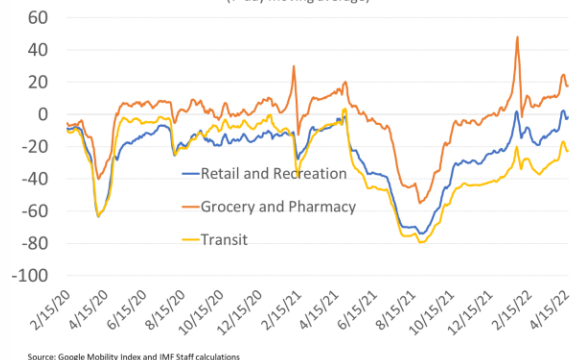


Việt Nam đã mở cửa trở lại

COVID-19 Cases and Vaccination in Vietnam



Google Mobility Index
(7-day moving average)



IMF | Vũ Châu Á và Thái Bình Dương

7



Các chính sách vẫn đang hỗ trợ

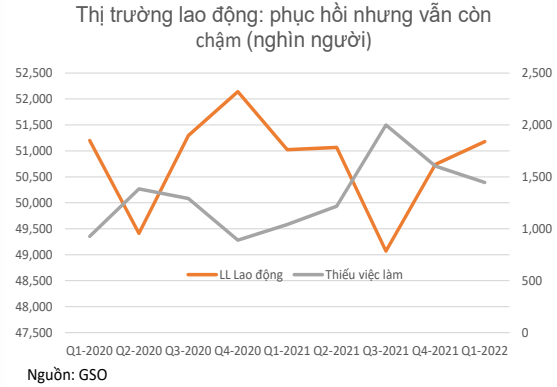
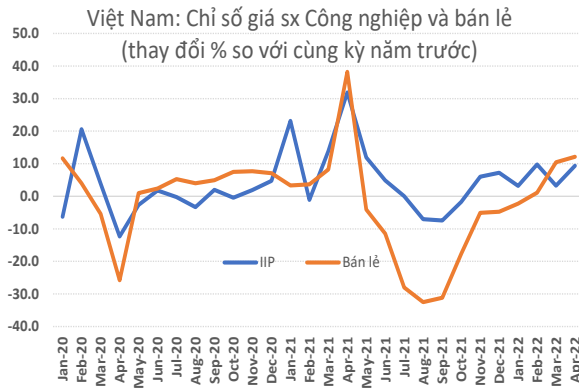
- Việt Nam đã duy trì thành công sự ổn định về tài khóa, cán cân đối ngoại và ổn định tài chính
- Các chính sách kinh tế vĩ mô đã giúp giảm bớt tác động của COVID
- Chương trình Phục hồi và Phát triển kinh tế (Chương trình PH&PTKT) được thực hiện một cách thích hợp và kịp thời để hỗ trợ phục hồi

IMF | Vũ Châu Á và Thái Bình Dương

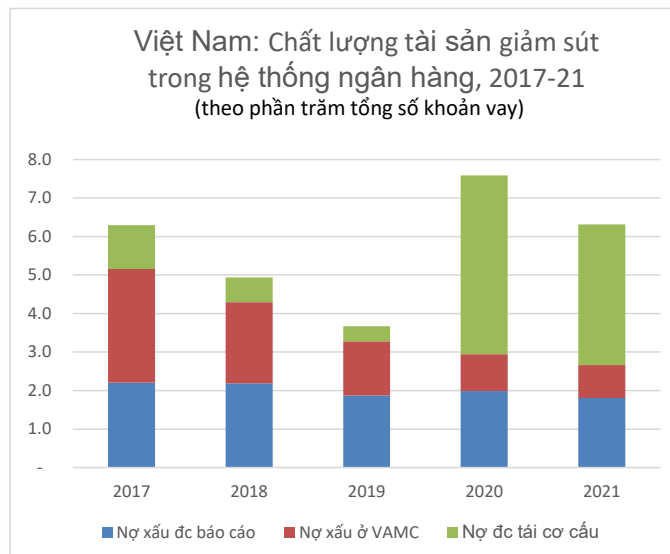
8



Nhưng sự phục hồi diễn ra không đồng đều...



Chất lượng tài sản giảm sút





Tác động của cuộc chiến ở Ukraine đối với Việt Nam

- Tác động trực tiếp đối với thương mại và tài chính là hạn chế
- Tác động ngay lập tức và đáng kể nhất là việc tăng giá hàng hóa nguyên liệu thô
- Tác động vòng hai (cầu bên ngoài, các chuỗi cung ứng,...)
- Tác động tổng thể: làm giảm tăng trưởng (-0,5), tăng lạm phát (+0,8)

IMF | Vũ Châu Á và Thái Bình Dương

11



Triển vọng

- Dự báo phục hồi kinh tế sẽ mạnh hơn
 - Tăng trưởng dự kiến là 6% trong năm 2022 và 7,2% trong năm 2023
- Lạm phát dự kiến sẽ tăng trong ngắn hạn
 - Trong năm 2022-23, lạm phát dự kiến sẽ thấp hơn một chút so với mục tiêu của NHNN là 4,0%

IMF | Vũ Châu Á và Thái Bình Dương

12



Nhiều rủi ro đối với triển vọng kinh tế

- Rủi ro đối với tăng trưởng nghiêng về tăng trưởng chậm lại trong khi rủi ro về lạm phát nghiêng về gia tăng lạm phát.
- Rủi ro trước mắt : căng thẳng địa chính trị và tăng trưởng chậm lại ở Trung Quốc.
- Các rủi ro khác: việc thắt chặt các điều kiện tài chính toàn cầu, diễn biến trên thị trường bất động sản và trái phiếu doanh nghiệp trong nước.

**Các ưu tiên chính sách: thúc đẩy phục hồi,
duy trì sự ổn định tài chính và thúc đẩy
tăng trưởng bao trùm**



Chính sách ngắn hạn

- Cần hoạch định chính sách mau lẹ
- Chính sách tài khóa nên đi đầu trong việc hỗ trợ chính sách, đặc biệt nếu rủi ro suy giảm tăng trưởng trở thành hiện thực
- Không còn nhiều dư địa để nói lỏng tiền tệ hơn nữa do rủi ro lạm phát gia tăng.
- Hệ thống tài chính: cần chấm dứt quy định cho phép cơ cấu nợ những giữ nguyên nhóm nợ, và tăng cường giám sát



Chính sách trung hạn

- Huy động thu ngân sách
- Hiện đại hóa chính sách tiền tệ
- Tăng khả năng chống chịu của hệ thống ngân hàng
- Cải cách cơ cấu quyết liệt



Bức tranh Tăng trưởng Ngành Kinh tế chính tại Việt Nam giai đoạn 2022-2023

Hà Nội, ngày 12/05/2022

Diễn đàn dự báo kinh tế Việt Nam 2022-2023 do Tạp chí Kinh tế và Dự báo tổ chức

Trình bày bởi: Nguyễn Quang Thuần, Tổng Giám đốc, FiinGroup

Mở đầu

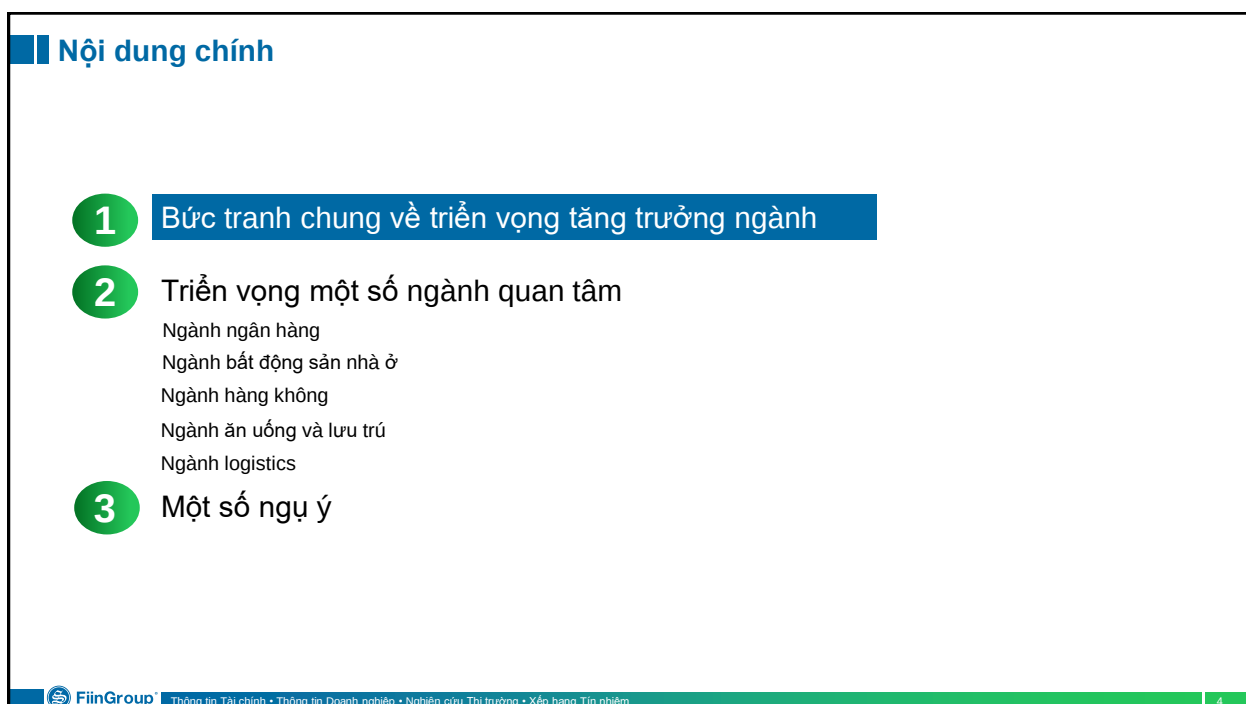
- Đánh giá về triển vọng ngành ở Việt Nam là một công việc rất thách thức. Phương pháp tiếp cận của chúng tôi chủ yếu dựa trên dữ liệu (data-driven) nhằm phục vụ ngành đầu tư chứng khoán, quản trị rủi ro và phục vụ nhà đầu tư nước ngoài mở rộng kinh doanh tại Việt Nam.
- Tài liệu này trình bày ở bức tranh tổng quan về một số ngành kinh tế chủ chốt của Việt Nam dựa trên dữ liệu mà chúng tôi có được và chưa thể bao phủ hết tất cả các ngành kinh tế lớn của Việt Nam.
- Dữ liệu sử dụng trong tài liệu chủ yếu bao gồm khoảng 1700 công ty đại chúng với tổng vốn hóa 6,7 triệu tỷ VND, chiếm 130% GDP 2021; và tổng doanh thu 2,8 triệu tỷ VND, chiếm 55% GDP 2021 của Việt Nam. Ở một số ngành, chúng tôi có sử dụng dữ liệu của các công ty chưa đại chúng để minh họa cho đánh giá triển vọng và những phân tích liên quan
- Với cách tiếp cận cả “top-down” và “bottom-up” về bức tranh tăng trưởng các ngành của Việt Nam, mục đích của bài trình bày là đưa ra một số phân tích và nhận định về triển vọng các ngành của Việt Nam và một số ngụ ý về chính sách, đầu tư và kinh doanh tại Việt Nam.



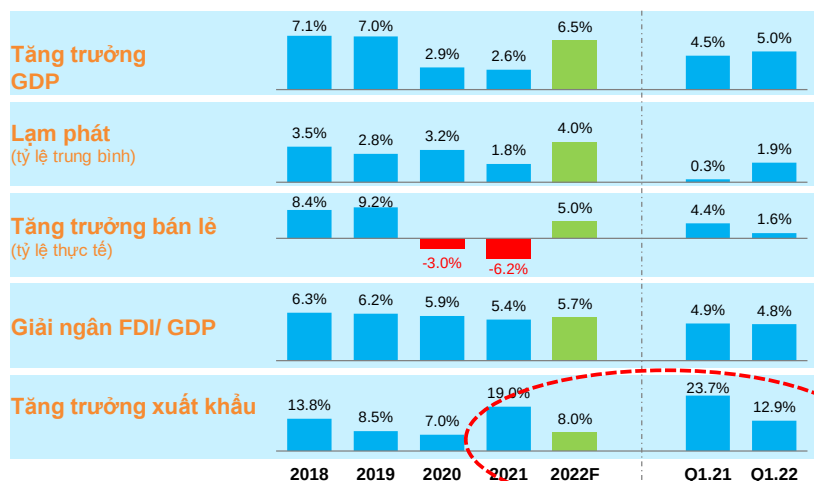
FiinGroup

Thông tin Tài chính • Thông tin Doanh nghiệp • Nghiên cứu Thị trường • Xếp hạng Tín nhiệm

2



Triển vọng GDP sẽ tiếp tục từ XNK, hồi phục sau đại dịch từ tiêu dùng và đầu tư trong nước...



Nguồn: FiinGroup, Nghị quyết 01/NQ-CP, VinaCapital, Bộ Công thương

- GDP giai đoạn trong tâm dịch COVID-19 (năm 2020 và 2021) được duy trì tăng trưởng dương chủ yếu nhờ tăng trưởng XNK và Đầu tư, nhất là đầu tư FDI
- Tiêu dùng suy giảm (thể hiện qua doanh thu Bán lẻ) nhưng đang trên đà hồi phục tốt.
- Triển vọng GDP 2022 và 2023 sẽ được củng cố nhờ: đầu tư khởi tử nhân, đầu tư công, hồi phục tiêu dùng và đã tăng trưởng tiếp tục của tiêu dùng trong nước.

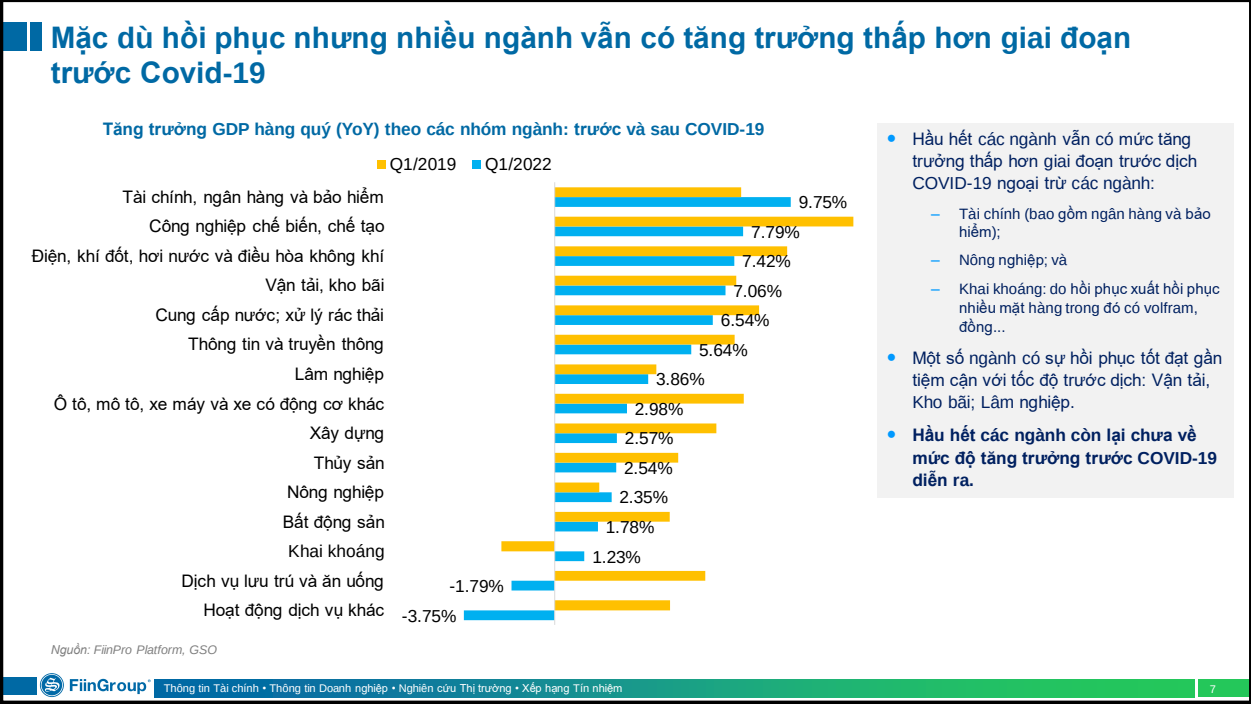
...nhưng thách thức trong ngắn hạn cũng không ít

Thách thức trong ngắn hạn (2022-2023):

- Sự phục hồi chậm chạp của các nền kinh tế lớn trên thế giới nhất là các thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam như Châu Âu, Mỹ ... do sự tăng mạnh của lạm phát và sự thắt chặt chính sách tiền tệ của các ngân hàng trung ương lớn trên của họ có ảnh hưởng tiêu cực đến sự phục hồi nhu cầu hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam – một trong các động lực tăng trưởng chính trong nhiều năm qua.
- Xung đột kéo dài giữa Nga và Ukraine dẫn đến việc gián đoạn nguồn cung, đẩy mạnh giá cả trên thế giới về các sản phẩm dầu mỏ (như xăng dầu, khí đốt ...) và các hàng hóa quan trọng như ngũ cốc, than đá, phân bón ... tăng cao, ảnh hưởng đến lạm phát tại Việt Nam do Việt Nam là nước nhập khẩu ròng các loại sản phẩm này.
- Việc duy trì chính sách Zero-Covid của Trung Quốc (một trong những đối tác xuất nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam) có thể tiếp tục làm gián đoạn chuỗi cung ứng, làm tăng chi phí logistics và ảnh hưởng đến tăng trưởng kim ngạch hàng hóa xuất/nhập khẩu; làm chậm quá trình phục hồi lượng khách du lịch từ Trung Quốc vào Việt Nam.
- Một số ngành chủ đạo/ có hiệu ứng lan tỏa như Bất động sản đang trong giai đoạn nhiều thách thức trước các thay đổi chính sách của Chính phủ.

Triển vọng tích cực trong dài hạn:

- Dịch bệnh COVID-19 được kiểm soát hiệu quả (tỷ lệ tiêm 2 mũi vắc xin đạt 96%; mũi 3 tăng cường đạt 55%; tỷ lệ tử vong giảm mạnh)
- Chính phủ đã thực hiện thành công mô hình “Sống chung an toàn với COVID”, vừa kiểm soát các đợt bùng phát dịch, vừa mở cửa nền kinh tế, mở cửa biên giới để phục hồi nền kinh tế và khôi phục cuộc sống bình thường.
- GDP dự kiến tăng trưởng ở mức 6%-7% trong 2 năm 2022 – 2023 nhờ sự phục hồi của tiêu dùng nội địa, xuất khẩu, các hoạt động đầu tư của cả khối tư nhân và nhà nước; và triển khai thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế 350 ngàn tỷ VNĐ của Chính phủ.
- Các yếu tố cơ bản của nền kinh tế vẫn được duy trì vững chắc:
 - Chính trị - xã hội ổn định, dân số trẻ và đang tăng trưởng, tỷ lệ dân số sử dụng internet cao, thu nhập dân cư tăng đều đặn, tốc độ đô thị hóa diễn ra nhanh chóng ... Tất cả các yếu tố này tạo ra một thị trường tiêu thụ nội địa lớn và hấp dẫn.
 - Nền kinh tế có độ mở lớn với việc Việt Nam đã tham gia vào 15 hiệp định thương mại tự do, kim ngạch xuất nhập khẩu tăng trưởng liên tục trên 12% trong 10 năm trở lại đây, dòng vốn FDI tiếp tục chảy mạnh vào Việt Nam, đưa Việt Nam trở thành một trong những trung tâm sản xuất lớn trong khu vực ...



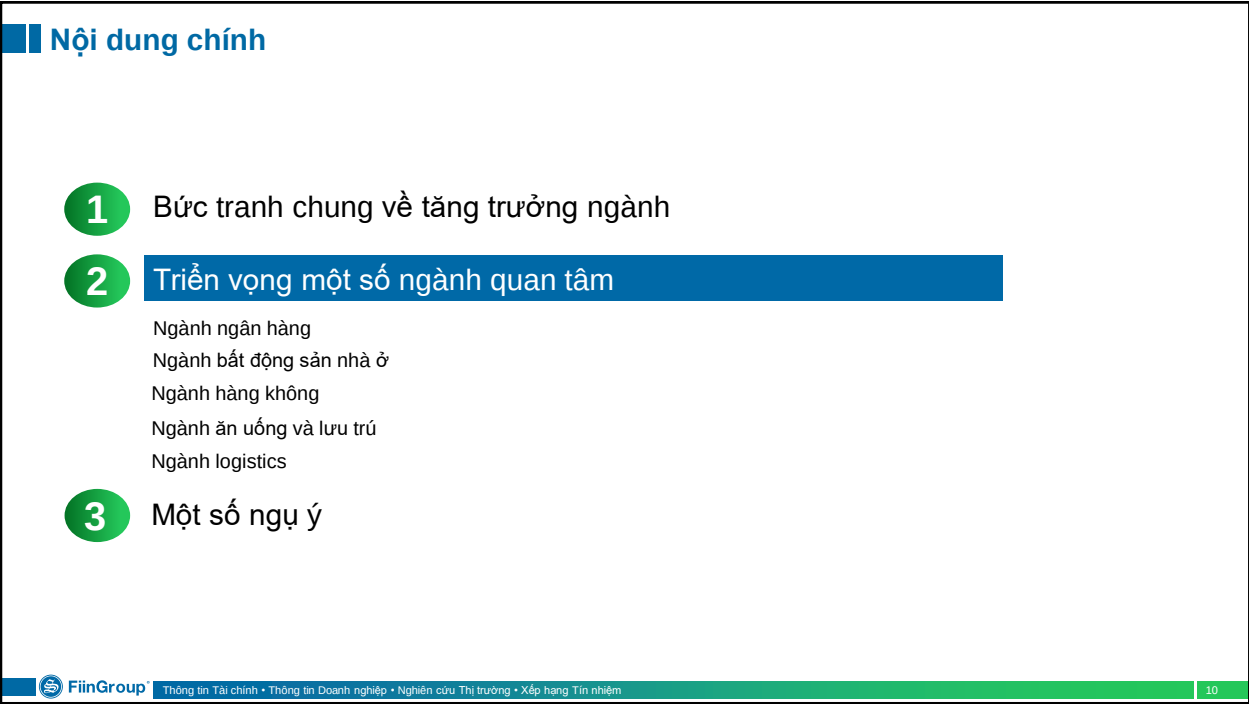
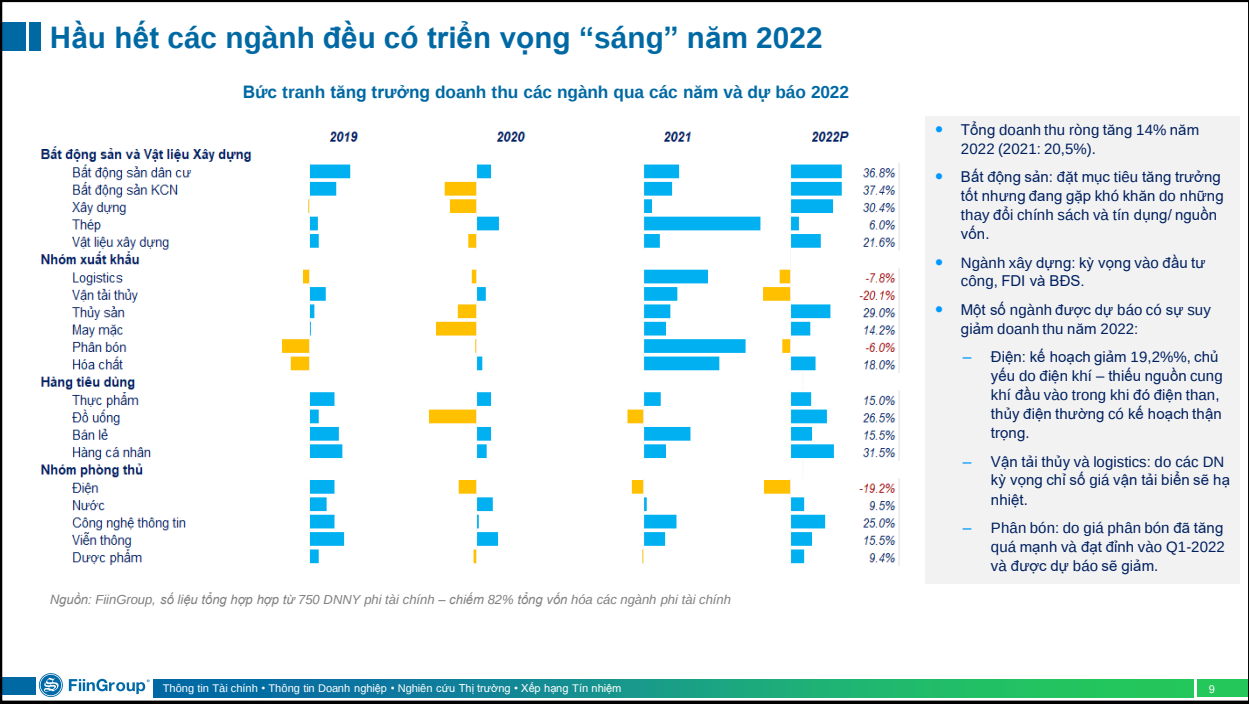
Ngoại trừ bất động sản, một số ngành chủ chốt đang trên đà hồi phục tốt

Bức tranh tăng trưởng doanh thu hàng quý (YOY)

	2019				2020				2021				2022
	Q1	Q2	Q3	Q4	Q1	Q2	Q3	Q4	Q1	Q2	Q3	Q4	Q1
	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%
Ngành BĐS/ tính chu kỳ													
Bất động sản dân cư	7.8%	94.8%	36.8%	-17.1%	-15.6%	-25.2%	59.4%	13.2%	59.7%	59.9%	-21.9%	12.6%	-26.3%
Bất động sản KCN	-7.2%	13.3%	7.2%	4.8%	-2.6%	-19.2%	-14.0%	-2.5%	23.4%	31.7%	-7.3%	10.2%	11.8%
BĐS bán lẻ	30.0%	22.1%	-21.6%	-2.6%	-22.3%	-13.8%	-19.6%	15.2%	25.6%	-6.9%	-48.5%	-50.7%	-31.3%
Ngành đã hồi phục tốt													
Bán lẻ	4.7%	17.3%	13.1%	14.6%	13.3%	-3.1%	3.1%	10.7%	12.8%	24.7%	-3.0%	46.0%	24.7%
Dược phẩm	-3.8%	3.7%	1.0%	2.4%	12.3%	-13.2%	-9.0%	-1.7%	-9.0%	12.1%	-0.2%	-7.3%	12.2%
Hàng cá nhân	12.3%	-5.6%	21.5%	28.3%	11.2%	-1.9%	0.7%	8.8%	31.6%	42.5%	-64.0%	19.8%	34.4%
Logistics	2.8%	23.6%	2.2%	-15.7%	-17.3%	-30.4%	-18.4%	-3.1%	-1.0%	51.2%	9.5%	23.4%	21.1%
Ngành "phòng thủ"													
Thực phẩm	4.4%	3.8%	4.7%	10.6%	7.3%	8.4%	14.3%	6.6%	10.0%	13.0%	8.7%	14.3%	-0.2%
Nước	15.8%	4.8%	8.0%	3.7%	8.3%	-0.5%	1.6%	3.1%	-1.9%	9.4%	-4.4%	1.4%	4.7%
Công nghệ thông tin	15.2%	5.5%	-1.3%	13.4%	6.1%	-4.6%	5.8%	-7.1%	15.7%	18.8%	6.7%	14.1%	23.3%
Ngành chưa/đang hồi phục													
Xây dựng	9.6%	2.3%	-7.8%	0.3%	-15.5%	-10.6%	-10.8%	-8.0%	15.1%	7.3%	3.5%	-7.0%	-6.8%
Hàng không	8.7%	25.8%	6.8%	-24.2%	-46.3%	-65.0%	-78.4%	-67.2%	-42.7%	-4.3%	-5.1%	-34.1%	12.3%
Lữ hành	2.9%	1.6%	3.9%	-1.3%	-23.6%	-61.3%	-54.2%	-44.0%	-39.4%	12.9%	-35.6%	-19.5%	8.5%
Khách sạn	-8.9%	-0.7%	4.0%	-17.3%	-27.4%	-63.7%	-61.4%	22.2%	-48.8%	75.3%	-15.7%	-0.6%	5.2%
Giải trí	-1.8%	-6.7%	59.0%	64.3%	164.4%	-66.3%	-54.9%	-61.8%	-55.2%	101.5%	61.7%	-23.2%	22.2%

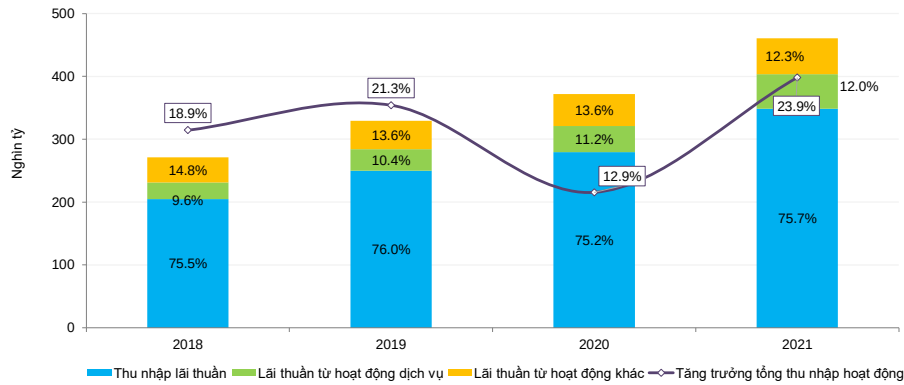
Nguồn: FiinGroup, số liệu tổng hợp từ 1030 DNYY ngành phi tài chính, chiếm 96% tổng vốn hóa

- Bất động sản: doanh thu giảm Q1-2022 do tiến độ bàn giao dự án chậm - ảnh hưởng của giãn cách xã hội từ Q3-2021.
- Một số ngành hồi phục mạnh sau COVID: Bán lẻ, Hàng cá nhân, dược phẩm... do cầu nội địa hồi phục tốt
- Ngành ít bị ảnh hưởng bởi COVID/ có tính phòng thủ bao gồm CNTT, nước, ... duy trì tăng trưởng tốt. Riêng ngành thực phẩm đi ngang do nhu cầu tích trữ thực phẩm không còn cao như trong kỳ COVID.
- Hàng không: hồi phục nhưng còn xa về mức "bình thường".



Ngành ngân hàng: dự kiến vẫn tăng trưởng tốt năm 2022

Nhờ cả tăng trưởng tín dụng, thu nhập phí dịch vụ bất chấp ảnh hưởng từ nợ tái cấu trúc từ COVID và một số vấn đề gần đây bao gồm tín dụng trái phiếu và BOT.



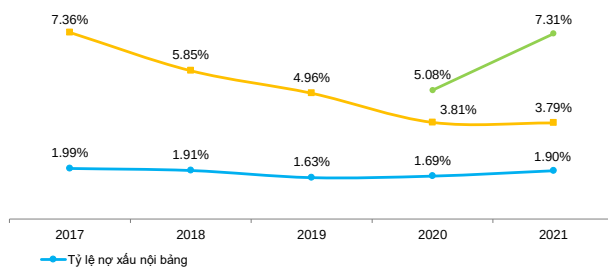
Nguồn: FiinGroup, Báo cáo tài chính 27 ngân hàng niêm yết với dư nợ tín dụng chiếm 73% dư nợ tín dụng toàn hệ thống

Ngành ngân hàng được dự báo có tăng trưởng 30% về Lợi nhuận Sau thuế năm 2022:

- Tín dụng dự kiến tăng trưởng 14% năm 2022.
- NIM tiếp tục duy trì nhờ giảm quy mô gói hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp mặc dù mặt bằng lãi suất/chỉ phí vốn huy động đang có xu hướng tăng.
- Thu nhập thù phí dịch vụ tiếp tục tăng do kinh tế phục hồi cũng như dịch vụ thanh toán tiếp tục đã tăng trưởng.
- Nhiều ngân hàng đã có cơ hội hoàn nhập dự phòng từ nợ xấu do ảnh hưởng bởi COVID-19 đã trích lập trước đó.

Ngành ngân hàng: ...tuy nhiên, vẫn chịu áp lực từ nợ xấu tiềm ẩn gia tăng và chất lượng tín dụng của ngành bất động sản dân cư

Áp lực nợ xấu tăng do nợ xấu tiềm ẩn từ dư nợ tái cơ cấu COVID



— Tỷ lệ nợ xấu nội bảng

— Tỷ lệ nợ xấu gộp (bao gồm nợ xấu nội bảng, nợ bán cho VAMC chưa xử lý và nợ xấu tiềm ẩn)

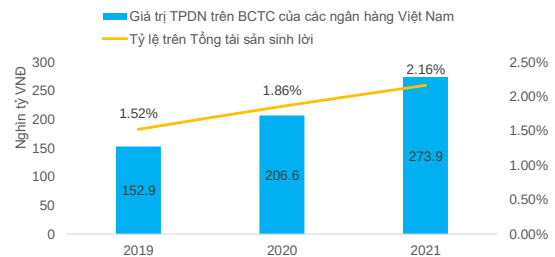
— Tỷ lệ nợ xấu điều chỉnh (bao gồm nợ xấu gộp và nợ xấu tiềm ẩn từ dư nợ tái cơ cấu do ảnh hưởng COVID)

Nguồn: FiinGroup, Ngân hàng Nhà nước

Ghi chú: (*) Nợ xấu tiềm ẩn bao gồm các khoản tài trợ vốn qua trái phiếu doanh nghiệp, lãi dự thu và các khoản nợ tái cơ cấu (không bao gồm dư nợ tái cơ cấu do COVID) hiện chưa được phân loại vào nhóm nợ xấu trên báo cáo tài chính của các TCTD mà NHNN đánh giá là có rủi ro tiềm ẩn cần phải theo dõi;

(**) Tỷ lệ nợ xấu điều chỉnh bao gồm các khoản nợ tái cơ cấu theo thông tư 01, 03 đang phân loại ở nhóm 1-2 nhưng sẽ phải chuyển sang nhóm 3-5 nếu thực hiện phân loại lại theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phân loại nợ

Tình hình sở hữu TPDN/Tổng tài sản sinh lời của các Ngân hàng thương mại qua các năm



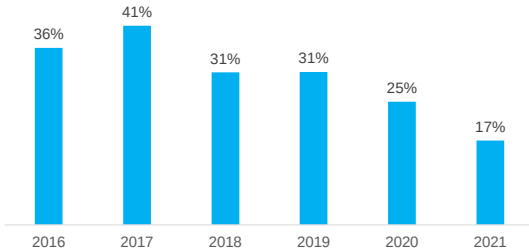
Nguồn: FiinRatings

Ghi chú: Số liệu từ BCTC của 29 ngân hàng thương mại tại Việt Nam, trong đó năm 2021 chưa bao gồm thông tin của Ngân hàng Agribank do chưa có BCTC Q4/2021. TPDN chỉ tính của các tổ chức phát hành phi ngân hàng

- Các sự kiện hiện nay sẽ không có tác động quá lớn đến hệ thống ngân hàng thương mại nếu như vấn đề hiệu ứng "tuyết lở" hay "domino" như đề cập ở trên được kiểm soát ở mức hợp lý.

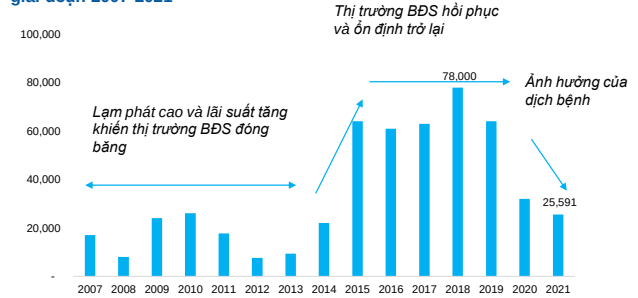
Ngành Bất động sản nhà ở/dân cư: chịu ảnh hưởng lớn bởi COVID và những thay đổi chính sách sau những sự kiện gần đây

Tỷ lệ Doanh thu nhận trước/Hàng tồn kho của doanh nghiệp bất động sản niêm yết



Nguồn: FinRatings
Ghi chú: số liệu tính toán từ BCTC của 56 công ty BĐS nhà ở niêm yết

Số lượng căn hộ giao dịch trên thị trường Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh giai đoạn 2007-2021

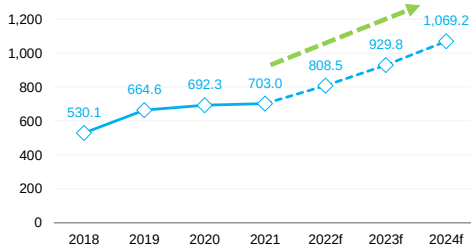


Nguồn: FinRatings
Ghi chú: số liệu được thống kê từ CBRE, Savills, VARS

- Triển khai dự án chậm vì giãn cách xã hội do COVID – thể hiện qua chỉ số Contracted Sales/ Hàng tồn kho giảm mạnh.
- Sản lượng căn hộ bán được giảm mạnh, giảm còn khoảng 30% (chỉ tính thị trường Hà Nội và TP. HCMC – vốn chiếm khoảng 60% quy mô cả nước).
- Tín dụng bất động sản gặp khó: Tín dụng ngân hàng với Thông tư 16 của NHNN và diễn biến gần đây ở kênh trái phiếu doanh nghiệp (Dự thảo sửa đổi Nghị định 153); và thay đổi chính sách sau sự kiện đầu giá đất Thủ Thiêm.

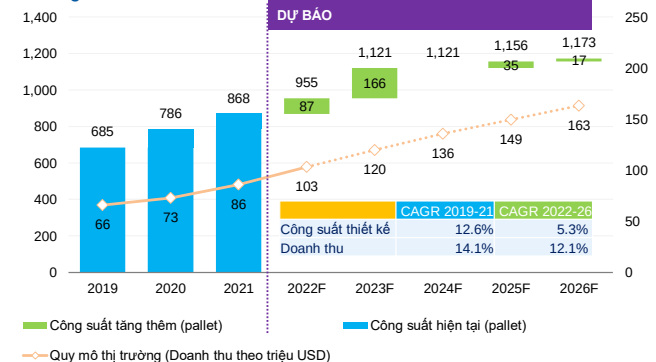
Logistics: là “điểm sáng” và sẽ còn triển vọng tăng trưởng cao trong những năm tới

Hàng hóa thông quan qua các cảng biển Việt Nam (nghìn tấn)



Nguồn: FiinGroup, Cục Hàng hải quan

Kho lạnh và chuỗi cung ứng lạnh được kỳ vọng tăng trưởng 2 con số trong 5 năm tới

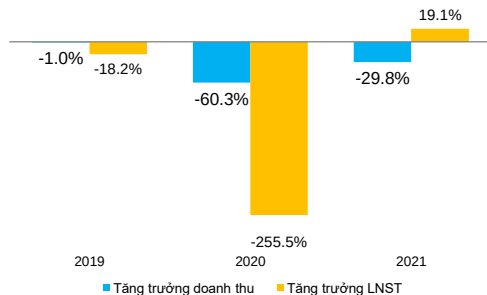


- Sản lượng hàng hóa thông quan qua các cảng biển Việt Nam dự kiến sẽ tăng trưởng từ 12-15% trong vòng 2-3 năm tới do sự phục hồi của hoạt động sản xuất trong nước và hoạt động xuất nhập khẩu, được hỗ trợ bởi 15 hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã tham gia trong thời gian vừa qua.

- Dịch vụ kho bãi (đặc biệt là chuỗi cung ứng lạnh) dự kiến tiếp tục được hưởng lợi từ sự phục hồi của hoạt động bán lẻ trong bán và xuất nhập khẩu.

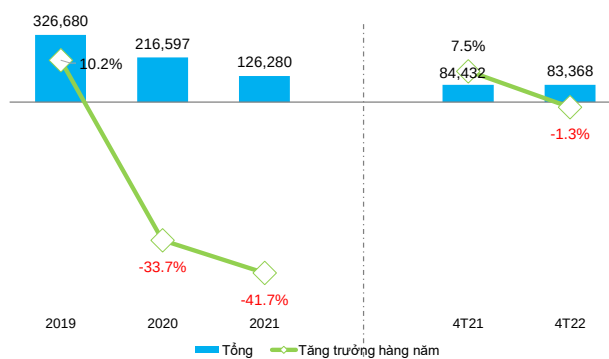
Ngành hàng không: đang hồi phục nhưng còn rất chậm!

Doanh thu các doanh nghiệp dịch vụ hàng không giảm mạnh do ảnh hưởng COVID-19



Nguồn: FiinPro

Số chuyến bay tại Việt Nam



Nguồn: FiinGroup, Cục Hàng không Việt Nam

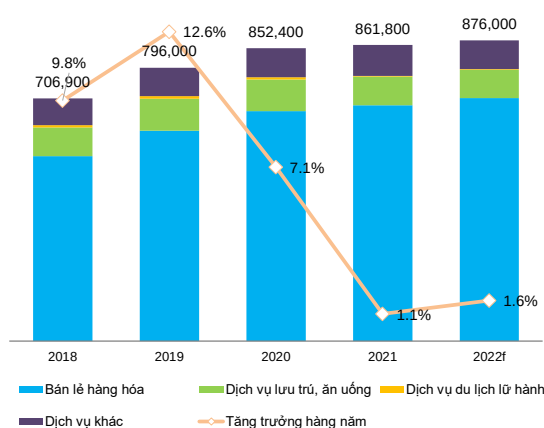


Thông tin Tài chính • Thông tin Doanh nghiệp • Nghiên cứu Thị trường • Xếp hạng Tín nhiệm

15

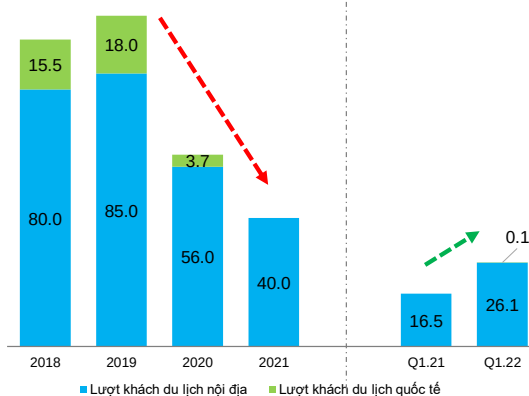
Ngành dịch vụ ăn uống và lưu trú: đang hồi phục mạnh mẽ nhờ cầu nội địa

Tổng giá trị bán lẻ hàng hóa, bao gồm dịch vụ ăn uống tại Việt Nam



Nguồn: FiinGroup, Tổng cục Thống kê

Ngành dịch vụ ăn uống và lưu trú được kỳ vọng sẽ trở lại "bình thường" mới nhờ sự phục hồi của ngành du lịch, tăng trưởng lượng khách du lịch quốc tế



Nguồn: FiinGroup, Tổng cục du lịch



Thông tin Tài chính • Thông tin Doanh nghiệp • Nghiên cứu Thị trường • Xếp hạng Tín nhiệm

16

Nội dung chính

1 Bức tranh chung về tăng trưởng ngành

2 Triển vọng một số ngành quan tâm

Ngành ngân hàng
Ngành bất động sản nhà ở
Ngành hàng không
Ngành ăn uống và lưu trú
Ngành logistics

3 Một số ngụ ý



Thông tin Tài chính • Thông tin Doanh nghiệp • Nghiên cứu Thị trường • Xếp hạng Tín nhiệm

17

Một số ngụ ý

- **Dự địa cho hồi phục và tăng trưởng kinh tế cao tiếp tục vẫn còn lớn:** Các nhóm ngành đang hồi phục nhưng hầu hết chưa về mức độ tăng trưởng trước khi COVID diễn ra.
- **Một số ngành vẫn cần được “kích hoạt” cho hồi phục mạnh hơn nữa:** Triển vọng tăng trưởng 2022 của hầu hết các ngành chính được dự báo tích cực. Tuy nhiên, một số ngành có sự hồi phục rất chậm như hàng không và du lịch quốc tế; xây dựng & vật liệu. Yếu tố này sẽ hỗ trợ tăng trưởng kinh tế cao hơn nhất là trong bối cảnh môi trường lãi suất đã “tạo đáy” và lạm phát có thể gia tăng vượt kỳ vọng.
- **Ngành Bất động sản nhà ở/ dân cư đang gặp những thách thức lớn trong ngắn hạn:** với tiềm năng lớn và triển vọng dài hạn tốt nhưng những tác động từ chính sách và vốn tín dụng trong ngắn hạn là yếu tố rủi ro quan trọng nhất cần theo dõi. Khó khăn của ngành BĐS sẽ có tác động đến một số ngành liên quan bao gồm xây dựng & vật liệu xây dựng và đặc biệt là ngành ngân hàng.
- **Rủi ro chính của ngành Ngân hàng phụ thuộc vào bất động sản:** Ngành ngân hàng tài chính vẫn phát triển tốt qua tâm dịch COVID nhưng những khó khăn của ngành BĐS hiện đang đối mặt có thể làm thay đổi bức tranh của ngành ngân hàng trong 2-3 năm tới đây. Những thay đổi về chính sách cần tính đến những tác động tới hai ngành trụ cột của nền kinh tế: Bất động sản và Ngân hàng; cũng như những tác động mang tính dây chuyền tới thị trường tài chính nói chung và các ngành liên quan của Việt Nam; Việt Nam hiện có sự liên thông rất lớn giữa thị trường tiền tệ, thị trường trái phiếu, tín dụng ngân hàng và thị trường chứng khoán/ cổ phiếu.



Thông tin Tài chính • Thông tin Doanh nghiệp • Nghiên cứu Thị trường • Xếp hạng Tín nhiệm

18

Về FiinGroup

FiinGroup là công ty dẫn đầu tại Việt Nam về Dữ liệu Tài chính và Phân tích

- Được thành lập vào tháng 3/2008, FiinGroup trở thành đơn vị hàng đầu chuyên cung cấp dữ liệu tài chính, thông tin kinh doanh, báo cáo ngành chuyên sâu, xếp hạng tín nhiệm và các dịch vụ phân tích dữ liệu khác tại Việt Nam.
- Tháng 9/2014, FiinGroup chính thức hợp tác chiến lược cùng Tập đoàn NIKKEI & QUICK Corp. với đầu tư vốn 35,1% cổ phần của Nhật Bản, cùng hỗ trợ các nhà đầu tư Nhật Bản vào Việt Nam
- FiinGroup hiện đang phục vụ hơn 1.000 tổ chức và doanh nghiệp trong và ngoài nước thông qua các nền tảng công nghệ và hệ thống truy cập thuê bao, dịch vụ theo gói và theo yêu cầu.
- Tháng 10/2019, FiinGroup mở rộng mô hình kinh doanh B2C với sự ra mắt của Nền tảng phân tích chứng khoán FiinTrade, phục vụ hơn 10.000 nhà đầu tư và giao dịch viên trên sàn chứng khoán Việt Nam.
- Gần đây nhất, FiinGroup chính thức mở rộng sang lĩnh vực Xếp hạng tín nhiệm (CRA), được Bộ Tài Chính cấp phép hoạt động ngày 20/03/2020. FiinGroup tiếp nhận hỗ trợ kỹ thuật từ S&P Global Ratings và Ngân Hàng Phát Triển Châu Á từ ngày 20/05/2021.



Ngày thành lập
11/03/2008



Người đại diện
Nguyễn Quang Thuận



Cổ đông
NIKKEI: 17.55%
QUICK: 17.55%
Quản lý và khác: 64.9%



Nhân viên
140+

Chuyên viên phân tích dữ liệu, phân tích tài chính, phân tích ngành/ thị trường và phân tích rủi ro với chứng chỉ: CFA, ACCA, CPA; Kỹ sư CNTT và Nhân viên kinh doanh



Vốn điều lệ
VND 25 billion



Kiểm toán
pwc



Đối tác
NIKKEI S&P Global
Quick Ratings ADB



FiinGroup

Thông tin Tài chính • Thông tin Doanh nghiệp • Nghiên cứu Thị trường • Xếp hạng Tín nhiệm

19

Tuyên bố Bản quyền và Miễn trách

- Tài liệu này được soạn lập bởi Công ty Cổ phần FiinGroup chỉ nhằm mục đích tham khảo. Tài liệu này không đưa ra khuyến nghị mua bán hay nắm giữ bất kỳ cổ phiếu nào hay cho giao dịch cụ thể nào.
- Thông tin trong báo cáo này, bao gồm dữ liệu, biểu đồ, bảng biểu, ý kiến phân tích và nhận định của FiinGroup được sử dụng với tính chất tham khảo tùy theo quyết định và rủi ro của quý vị. FiinGroup sẽ không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất hay hậu quả gì có thể được gây ra từ việc sử dụng các thông tin trong báo cáo này.
- Tài liệu này có thể được thay đổi mà không có sự thông báo trước. Nội dung và các nhận định trong báo cáo này có thể bị thay đổi hoặc lỗi thời tùy theo tình hình thực tế và những thông tin bổ sung mà chúng tôi có được. FiinGroup sẽ không có trách nhiệm phải cập nhật, sửa đổi và bổ sung nội dung theo những thay đổi đó.
- Toàn bộ các thông tin này được soạn lập và xử lý dựa trên các thông tin đại chúng và các nguồn khác mà FiinGroup có được, chúng tôi đã không có các thủ tục thực hiện xác minh độc lập về tính chính xác, đầy đủ hoặc tính phù hợp cho việc sử dụng và chúng tôi không cam kết về tính chính xác của những thông tin đó.
- Công ty Cổ phần FiinGroup có quyền sở hữu bản quyền về tài liệu này và toàn bộ nội dung trong báo cáo. Tài liệu này được bảo hộ theo quy định của pháp luật về bản quyền tại Việt Nam và các quốc gia khác theo hiệp ước giữa Việt Nam và các nước.
- Không có nội dung nào bao gồm dữ liệu, biểu đồ, bảng biểu, mô hình, và nhận định trong báo cáo này có thể được tái bản, sao chép, sửa đổi, thương mại hóa, công bố dù toàn bộ hay từng phần dưới bất kỳ hình thức nào nếu như không có sự chấp thuận của FiinGroup.
- FiinGroup là công ty chuyên về dịch vụ thông tin phân tích tài chính và định mức tín nhiệm theo giấy phép số 02/GXN-XHTN của Bộ Tài chính Việt Nam ngày 30/3/2020. Theo đó, FiinGroup không tham gia và không được phép tham gia vào các hoạt động môi giới và tư vấn chứng khoán, dịch vụ ngân hàng và dịch vụ kiểm toán. Chúng tôi duy trì hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo tất cả các giám đốc, quản lý và nhân viên tuân thủ các quy định này cũng như tránh xung đột về mâu thuẫn lợi ích nhằm đảm bảo tính độc lập tuyệt đối trong bất kỳ hoạt động nào của chúng tôi.



FiinGroup

Thông tin Tài chính • Thông tin Doanh nghiệp • Nghiên cứu Thị trường • Xếp hạng Tín nhiệm

20



FiinGroup[®]
ENLIGHTEN THE MARKET

Trụ sở chính

Tầng 10, Tòa nhà Peakview, số 36 Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3562 6962
Email: info@fiingroup.vn

Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

Tầng 46, Tòa nhà Bitexco Financial Tower, số 2 Hải Triều,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: (84-28) 3933 3586
Email: info@fiingroup.vn

KỊCH BẢN VÀ ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM 2022-2023

Trình bày: TS. Cấn Văn Lực
Tại Diễn đàn dự báo kinh tế Việt Nam 2022-2023
Do Tạp chí Kinh tế và Dự báo – Bộ KH & ĐT tổ chức

Hà Nội, 12/5/2022

12/5/2022

C.V.Lực/KTe VN 2022-23

1

Nội dung trình bày

Kinh tế Việt Nam năm 2022-2023

Cơ hội, thách thức chính

Kịch bản và động lực tăng trưởng

Chính sách, giải pháp lớn của Chính phủ.

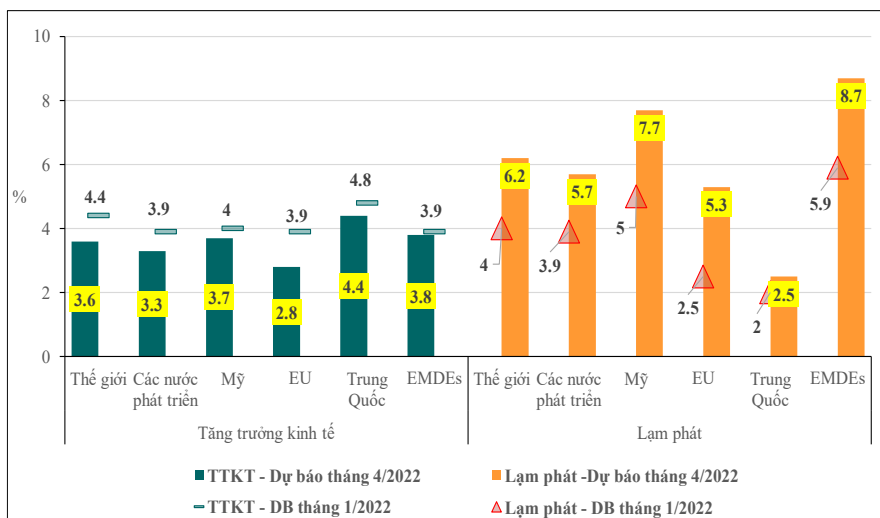
12/5/2022

C.V.Lực/KTe VN 2022-23

2

1. Kinh tế thế giới 2021-2022

H.1: Kinh tế thế giới phục hồi nhanh, nhưng đang giảm tốc



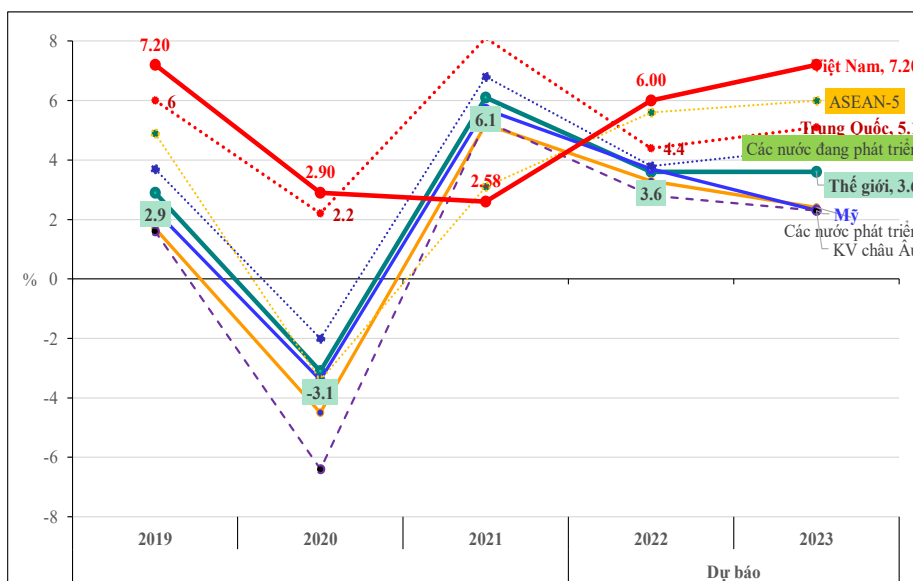
Nguồn: IMF, WB (tháng 4/2022), Viện ĐT&NC BIDV tổng hợp.

12/5/2022

C.V.Lực/KTe VN 2022-23

3

Hình 2: Khả năng phục hồi kinh tế thế giới



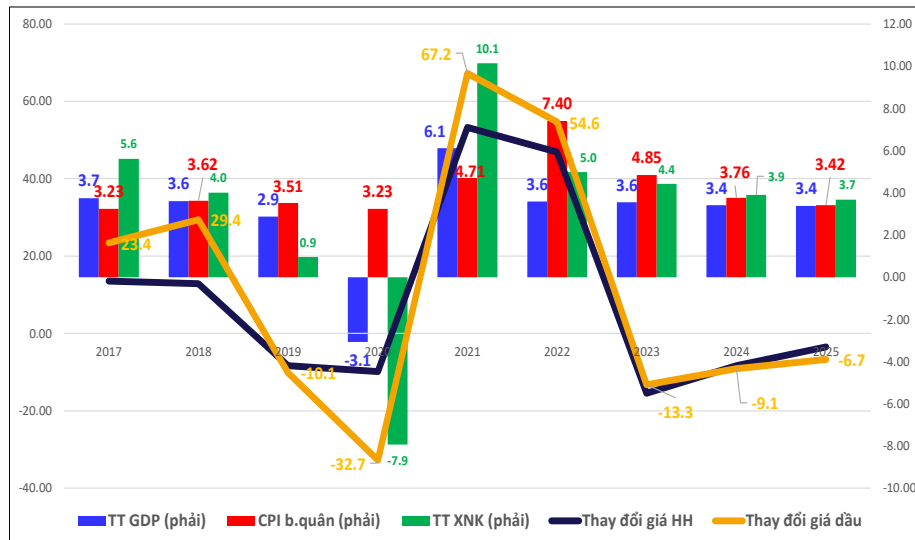
Nguồn: IMF (4-2022) và BIDV Research (T5-2022).

12/5/2022

C.V.Lực/KTe VN 2022-23

4

H.3: Lạm phát toàn cầu (CPI) tăng mạnh năm 2021 (4,7%) và 2022 (7,4%), rồi dịu dần



Nguồn: IMF (4-2022).

12/5/2022

C.V.Lực/KTe VN 2022-23

5

Tóm tắt tình hình kinh tế thế giới 2022-23

- **Kinh tế thế giới phục hồi nhanh trong năm 2021 (+ 6,1%), giảm đà tăng trưởng năm 2022-2023 (+3,2-3,6%);** lạm phát tiếp tục tăng mạnh năm 2022 (+ 6%), sau đó hạ nhiệt dần, theo IMF, Citigroup.
- **Rủi ro, thách thức chính:** (i) đại dịch Covid-19 còn phức tạp; (ii) **địa chính trị phức tạp** (nhất là chiến sự Nga-Ukraina); (iii) Trung Quốc tăng trưởng chậm lại; (iv) **Giá cả, lạm phát tăng**; các nước thu hẹp các gói hỗ trợ, mua tài sản (tapering) và tăng lãi suất; (v) Lợi nhuận biên của DN còn bị thu hẹp.

12/5/2022

C.V.Lực/KTe VN 2022-23

6

Bảng 1: Dự báo tăng trưởng GDP và CPI bình quân năm 2022-2023 của VN (% , yoy)

Tổ chức	TT GDP		CPI bình quân	
	2022	2023	2022	2023
World Bank (4/2022)	5,3	n.a	3,8	n.a
IMF (4/2022)	6,0	7,2	3,85	4.1
ADB (4/2022)	6,5	6,7	3,8	4
Chính phủ, QH (12/2021; 1/2022)	6-6,5	n.A	4	n.a
Viện ĐTNC BIDV (5/2022)	- KB cơ sở: 5.5-6* - KB tiêu cực: 4,5-5*	6,5-7	3,8-4,2	4

* phụ thuộc vào mức độ thực hiện Chương trình phòng, chống dịch; Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH 2022-2023; và giảm thiểu tác động từ chiến sự Nga – Ukraina.

12/5/2022

C.V.Lực/KTe VN 2022-23

7

Triển vọng kinh tế VN năm 2022-2023

- Kinh tế TG vẫn tăng trưởng ở mức cao hơn trước dịch (3,2-3,6%, đã tính đến tác động chiến sự Nga - Ukraina);
- Dịch bệnh được kiểm soát tốt hơn năm 2021;
- Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH 2022-2023; đầu tư công được đẩy mạnh
- Kinh tế phục hồi, các động lực tăng trưởng phục hồi mạnh hơn:
 - *Phía cung*: nông nghiệp, CN – XD và dịch vụ (dịch vụ phục hồi chậm hơn)
 - *Phía cầu*: xuất khẩu, đầu tư và tiêu dùng phục hồi khá hơn.
- Tỷ giá, lãi suất cơ bản ổn định (dù có áp lực tăng)
- Kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn được đẩy mạnh
- Cơ cấu lại nền kinh tế, cải cách được thúc đẩy
- Hội nhập: RCEP bắt đầu có hiệu lực.

12/5/2022

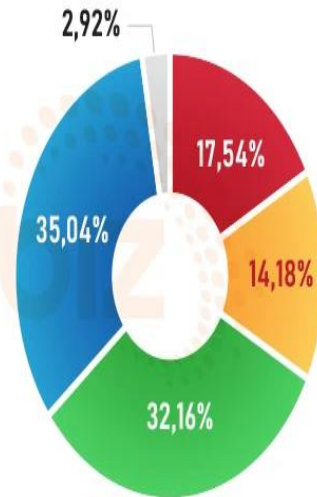
C.V.Lực/KTe VN 2022-23

8

Bảng 2: Chương trình phục hồi 2022-2023

5 NHÓM NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

① Đầu tư nâng cao năng lực y tế, phòng chống dịch bệnh	60.000 TỶ ĐỒNG
② Đảm bảo an sinh xã hội, hỗ trợ việc làm	48.500 TỶ ĐỒNG
③ Hỗ trợ phục hồi doanh nghiệp	110.000 TỶ ĐỒNG
④ Phát triển kết cấu hạ tầng	113.550 TỶ ĐỒNG
⑤ Giải pháp khác	10.000 TỶ ĐỒNG



9

H.4: Kinh tế internet tăng nhanh tại Philippines 2 năm qua, nhưng sẽ tăng nhanh hơn tại VN 2021-2025

All markets are exhibiting double-digit growth, with the Philippines leading by a margin

SEA internet economies, by GMV (\$B)

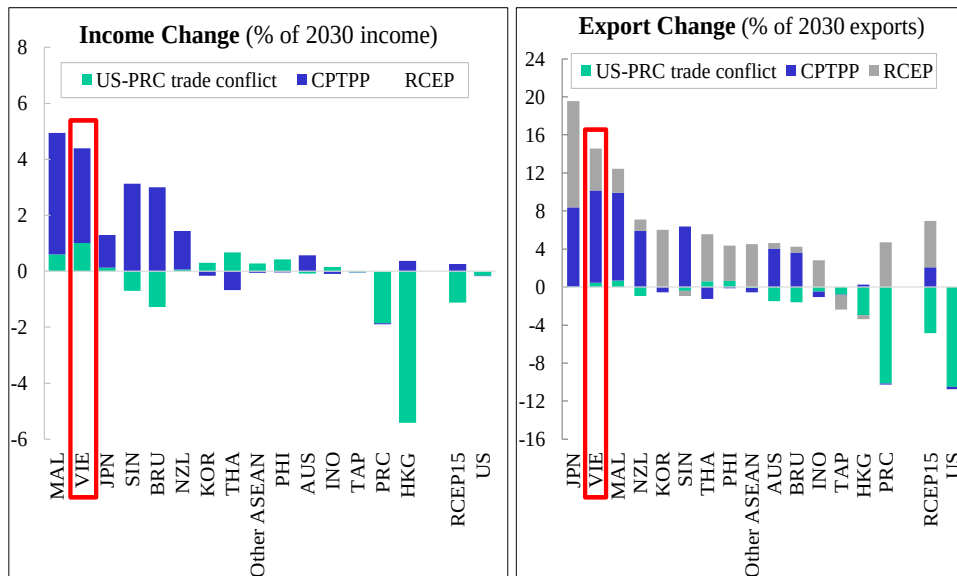


12/5/2022

C.V.Lực/KTe VN 2022-23

10

H.5: Hội nhập Việt Nam - FTAs (RCEP và CPTPP)



Source: ADB Study; Park, Petri, Plummer (2021).

12/5/2022

C.V.Lực/KTe VN 2022-23

11

Rủi ro, thách thức chính năm 2022

- **Rủi ro bên ngoài:** slide 6.
- Tác động của dịch Covid-19 đối với các ngành kinh tế khác nhau; nên phục hồi khác nhau
- Sức cầu còn yếu, dịch vụ phục hồi chậm;
- Giải ngân đầu tư công vẫn là thách thức
- Lạm phát tăng; rủi ro nợ công tăng, thâm hụt ngân sách và nghĩa vụ trả nợ của Chính phủ tăng (trong tầm kiểm soát)
- Doanh nghiệp còn nhiều khó khăn; nhân sự khó khăn;
- Cơ cấu lại DNNN còn chậm; nợ xấu tiềm ẩn tăng.

12/5/2022

C.V.Lực/KTe VN 2022-23

12

Đánh giá sơ bộ tác động của chiến sự Nga – Ukraina đối với kinh tế toàn cầu

- **Vai trò của Nga trong nền kinh tế toàn cầu (slide 14)**
- **Cuộc chiến và đến nay khoảng 30 biện pháp trừng phạt (chủ yếu của phương Tây đối với Nga) trên 4 lĩnh vực: tài chính – tiền tệ, năng lượng, vận tải, lĩnh vực khác;**
- **5 biện pháp trừng phạt rất mạnh:**
 - phong tỏa tài sản của một số ngân hàng, tổ chức và cá nhân Nga (khoảng 1.500 tỷ USD);
 - tách một số ngân hàng Nga ra khỏi hệ thống SWIFT;
 - cấm các tổ chức thực hiện giao dịch tài chính liên quan đến NHTW Nga, Quỹ Tài chính QG và Bộ Tài chính Nga;
 - cấm không vận, hạn chế vận tải biển và đường sắt, làm gián đoạn chuỗi cung ứng;
 - hạn chế/chấm dứt nhập khẩu xăng dầu và khí đốt từ Nga.

12/5/2022

C.V.Lực/KTe VN 2022-23

13

Vai trò của Nga đối với kinh tế toàn cầu

Figure 1. Russia's Role in the Global Economy

	AMOUNT	GLOBAL SHARE / RANK
GDP (\$bn, current) ¹	\$1,478.6	1.7% 11th
Trade Goods Exports (\$bn) ¹	\$332.2	1.9% 16th
Goods Imports (\$bn) ¹	\$240.4	1.3% 21st
Services Exports (\$bn) ²	\$62.8	1.0% 27th
Services Imports (\$bn) ²	\$99.0	1.7% 16th
FDI Outward FDI Stock (\$bn) ¹	\$379.6	1.0% 22nd
Inward FDI Stock (\$bn) ¹	\$446.7	1.1% 22nd
Forex Reserves	\$643.2 ^a	4.8% ^b 5th ^c
Energy Production		
Petroleum/Other Liq. (Mb/d) ¹	10,496	11.2% 3rd
Natural Gas (bcf) ²	23,938	16.8% 2nd

Date of data: (1) 2020; (2) 2019; (a) 3/4/2022, Bank of Russia; (b) Q3:2021, IMF; (c) 1/31/2022, Financial Times.

Sources: CRS analysis using IMF, UNCTADstat, Russia's Federal Customs Service, Bank of Russia, and EIA data.

12/5/2022

C.V.Lực/KTe VN 2022-23

14

Đánh giá sơ bộ tác động của chiến sự Nga – Ukraina đối với kinh tế toàn cầu 2022

- Giá xăng dầu dự báo tăng bình quân 40-45% yoy;
- TT kinh tế toàn cầu: - 0,8-1 điểm %
- Lạm phát toàn cầu: + 1,5 điểm %
- Giá cả, lạm phát tăng nhanh, xói mòn đầu tư, tiêu dùng; NHTW vào thế tiến thoái lưỡng nan
- Thay đổi cục diện; thay đổi ưu tiên, chiến lược quốc gia
- Nhiều vấn đề xã hội phát sinh
- Cơ hội cho 1 số quốc gia?

12/5/2022

C.V.Lực/KTe VN 2022-23

15

Đánh giá sơ bộ tác động của chiến sự Nga – Ukraina đối với kinh tế Việt Nam 2022

- Giá xăng dầu tăng bình quân 30-40% năm 2022 (giảm dần năm 2023)
- TT kinh tế: - 1-1,2 điểm %
- Lạm phát (CPI): + 0,8-1 điểm %
- Giá cả, lạm phát tăng nhanh, xói mòn đầu tư, tiêu dùng; NHNN vào thế khó
- Thương mại, đầu tư với Nga, Ukraina: ảnh hưởng không nhiều, nhưng du lịch là đáng kể
- Thay đổi ưu tiên, chiến lược quốc gia? Làm chậm tiến trình phục hồi
- Một số vấn đề xã hội phát sinh.
- Cơ hội?

12/5/2022

C.V.Lực/KTe VN 2022-23

16

Một số giả định 2022-2023

- Xuất khẩu tăng 15-17%
- Giải ngân FDI tăng 10-12%
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng 5-7% (+7-9% năm 2023)
- Doanh thu bán lẻ HH và dịch vụ tiêu dùng: +8-10% (+10-12% năm 2023)
- Giải ngân 2 năm Chương trình phục hồi: 70% (KB trung bình), 90% (KB tích cực)
- Giá xăng dầu tăng bình quân 30-40% năm 2022, giảm 15-20% năm 2023...v.v.;
- 3 đột phá chiến lược rõ nét hơn; kinh tế số, hội nhập ... được đẩy mạnh hơn.

12/5/2022

C.V.Lực/KTe VN 2022-23

17

Bảng 3: Kịch bản và dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam 2022-2023
(về phía cung)

KHU VỰC KINH TẾ	Q1.2022	DB 6T.2022	DỰ BÁO 2022			DB 2023
			KB cơ sở	KB tích cực	KB tiêu cực	
Nông - lâm nghiệp - thủy sản	2,45	2,5 - 2,6	2,5 - 2,52	2,75 - 2,9	2,35 - 2,4	2,8 - 3
Công nghiệp - Xây dựng	6,38	6,6 - 6,9	6,2 - 6,6	7 - 7,5	5,5 - 5,8	7 - 7,5
Dịch vụ	4,58	6,4 - 6,7	6-6,5	6,2 - 6,6	5,0 - 5,3	6,5- 7
Tăng trưởng GDP (%; YoY)	5,03	5,8 - 6,2	5,5 - 6	6- 6,5	4,5 - 5	6,5 - 7

Nguồn: Tính toán của Viện DT&NC BIDV.

12/5/2022

C.V.Lực/KTe VN 2022-23

18

Bảng 4: Động lực tăng trưởng từ các yếu tố vốn, lao động và TFP

(Với việc đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng KHCN, tăng trưởng kinh tế Việt Nam sẽ có sự đóng góp ngày một lớn hơn từ TFP).

Đóng góp vào tăng trưởng GDP (%)	BQ 2011-2020	2021e	DB 2022-2023
Vốn	50,37	46,5	47-49
Lao động	12,1	9,32	8-9
TFP	39,4	44,2	43-45
Năng suất lao động tăng (%/năm)	--/--	5,1	5,5

Nguồn: Viện Năng suất Việt Nam, VEPR, Nghị quyết 01/2022 của Chính phủ, Viện DT&NC BIDV tính toán.

12/5/2022

C.V.Lực/KTe VN 2022-23

19

Chính sách, giải pháp lớn của Chính phủ năm 2022-2023

- Thực hiện Nghị quyết 01 (ngày 8/1) về giải pháp, nhiệm vụ phát triển KT-XH 2022; Nghị quyết 02 (ngày 10/1) về cải thiện môi trường ĐT-KD;
- Thực hiện tốt Chương trình phòng chống dịch (Nghị quyết 38/NQ-CP ngày 17/3/2022) và Chương trình phục hồi, phát triển KT-XH 2022-2023;
- Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng;
- Tiếp tục đẩy mạnh hoàn thiện thể chế (sửa các luật: đất đai, nhà ở, KD BDS...);
- Chú trọng phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và kinh tế số;
- Phát triển CN hỗ trợ; tăng năng lực chống chịu của nền kinh tế đối với các cú sốc bên ngoài;
- Lành mạnh hóa thị trường chứng khoán, bất động sản;
- Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập (CPTPP, EVFTA, UKVFTA, RCEP..).

12/5/2022

C.V.Lực/KTe VN 2022-23

20

DỰ BÁO BỨC TRANH LẠM PHÁT VIỆT NAM NĂM 2022-2023 NHÌN TỪ CÁC BIẾN SỐ KINH TẾ CHÍNH

Người trình bày: TS. Nguyễn Bích Lâm
Nguyên Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê

Hà Nội, 5/2022

Lạm phát của Việt Nam năm 2021 tăng 1,84%, thấp nhất từ năm 2016 mặc dù lạm phát thế giới tăng cao

Lạm phát năm 2021 của Việt Nam ở mức thấp nhất trong vòng 6 năm qua do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

- *Thứ nhất*, tổng cầu của nền kinh tế suy giảm, người dân chi tiêu dè dặt các mặt hàng thiết yếu cho cuộc sống hàng ngày.
- *Thứ hai*, chính sách tài khóa hỗ trợ đặc thù, kịp thời và hiệu quả.
- *Thứ ba*, giá xăng dầu trong năm 2021 diễn biến phức tạp, nhiều thời điểm tăng đột biến do ảnh hưởng của yếu tố kinh tế và chính trị thế giới, nhưng với việc sử dụng linh hoạt, phù hợp Quỹ bình ổn giá xăng dầu đã giúp Việt Nam kiểm soát được tác động của giá xăng dầu tới CPI.
- *Thứ tư*, do chuẩn bị trước nguồn vật tư, doanh nghiệp cắt giảm chi phí và lợi nhuận, không tăng giá bán sản phẩm trong bối cảnh giá nguyên, nhiên vật liệu thế giới tăng cao.
- *Thứ năm*, chính sách tiền tệ linh hoạt, đồng bộ, hiệu quả góp phần kiểm soát thành công lạm phát.

Kinh tế khởi sắc, kiểm soát thành công lạm phát trong những tháng đầu năm 2022

1. Gam màu sáng

- GDP quý I/2022 ước tính tăng 5,03% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng của quý I các năm 2020 và 2021;
- Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội quý I/2022 tăng 8,9% so với cùng kỳ năm 2021, trong đó vốn đầu tư khu vực Nhà nước và ngoài Nhà nước đều tăng trên 9%, vốn FDI thực hiện 4 tháng đầu năm ước tính đạt 5,92 tỷ USD, mức cao nhất trong 5 năm qua;
- Tổng kim ngạch XNK hàng hóa 4 tháng đầu năm 2022 đạt 242,19 tỷ USD, trong đó có 22 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, cán cân thương mại xuất siêu 2,53 tỷ USD;
- Lao động 15 tuổi trở lên có việc làm trong quý I/2022 tăng 962,4 nghìn người so với quý trước; số người thiếu việc làm trong độ tuổi giảm 135,2 nghìn người và thu nhập bình quân của lao động làm công hưởng lương tăng 1,2 triệu đồng so với quý IV/2021.

2. Gam màu tối

- Ngành nông nghiệp đang đối mặt với những khó khăn khi giá thức ăn chăn nuôi tăng cao; khai thác thủy sản chịu ảnh hưởng của tăng giá xăng dầu;
- Ngành xây dựng có mức tăng thấp, phản ánh khó khăn của ngành này khi triển khai giải ngân vốn đầu tư và thực hiện xây lắp do giá vật liệu xây dựng tăng cao;
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 4 tháng đầu năm tăng 6,5% so với cùng kỳ năm trước, loại trừ yếu tố giá tăng 4,3%, thấp hơn 2,9 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2021;
- 4 tháng đầu năm 2022 có tới 61,6 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường. Kết quả điều tra xu hướng kinh doanh các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có 35,8% doanh nghiệp đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh quý I gặp khó khăn và có 33,4% doanh nghiệp có số lượng đơn đặt hàng bị giảm.

Kinh tế khởi sắc, kiểm soát thành công lạm phát trong những tháng đầu năm 2022

3. Lạm phát 4 tháng đầu năm 2022 trong tầm kiểm soát

Tốc độ tăng CPI bình quân 4 tháng đầu năm 2022 ở mức 2,1% so với cùng kỳ năm trước.

- Nguyên nhân chủ yếu làm CPI 4 tháng tăng:

- + Bình quân 4 tháng đầu năm 2022, giá xăng dầu tăng 48,84% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp tới 1,76 điểm phần trăm trong mức lạm phát bình quân 2,1% của 4 tháng đầu năm;
- + Giá gas trong nước biến động theo giá xăng dầu và giá gas thế giới, bình quân 4 tháng tăng 24,6%, làm CPI chung tăng 0,36 điểm phần trăm.

- Nguyên nhân chủ yếu kiềm chế CPI 4 tháng:

- + Giá các loại thực phẩm bình quân 4 tháng đầu năm giảm 0,94% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, giá thịt lợn bình quân 4 tháng giảm 21,24% so với cùng kỳ năm trước làm CPI giảm 0,72 điểm phần trăm.
- + Mặc dù giá xăng dầu tăng cao và giá nguyên vật liệu dùng cho sản xuất tăng, do sức mua của người tiêu dùng yếu nên cộng đồng doanh nghiệp chấp nhận giảm bớt lợi nhuận để không tăng giá bán sản phẩm cũng là yếu tố góp phần kiểm soát lạm phát 4 tháng đầu năm nay.
- + Việc thực hiện miễn, giảm học phí của một số địa phương nhằm chia sẻ khó khăn với người dân trong đại dịch cũng đã giúp chỉ số giá nhóm giáo dục giảm 3,93%, tác động làm CPI chung giảm 0,21 điểm phần trăm.
- + Chính phủ chủ động chỉ đạo quyết liệt các bộ, ngành, địa phương thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp bình ổn giá, hạn chế những tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội. Các chính sách được ban hành kịp thời, giảm áp lực đáng kể lên mặt bằng giá như giảm thuế giá trị gia tăng với một số nhóm hàng hóa, dịch vụ từ 10% xuống còn 8% từ 1/2/2022; giảm mức thu 37 khoản phí, lệ phí trong 6 tháng đầu năm 2022; giảm 50% thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu từ 1/4/2022...

Các yếu tố gây áp lực lạm phát năm 2022 và 2023

(1). Lạm phát chuỗi cung ứng là nhóm yếu tố tạo áp lực lớn nhất đến lạm phát của nền kinh tế trong thời gian tới. Kinh tế nước ta có độ mở lớn, sản xuất phụ thuộc nhiều vào nguyên vật liệu nhập khẩu từ bên ngoài, với tỷ lệ 37% chi phí nguyên vật liệu nhập khẩu trong tổng chi phí nguyên vật liệu của toàn nền kinh tế; tỷ lệ này trong ngành công nghiệp chế biến chế tạo - ngành có vai trò là động lực tăng trưởng chủ yếu của nền kinh tế chiếm 50,98%.

(2). Giá nguyên nhiên vật liệu tăng cao.

Kinh tế Việt Nam có đặc điểm khi giá nguyên vật liệu tăng 1% thì giá sản phẩm đầu ra tăng 2,06%, đồng nghĩa với gia tăng lạm phát của nền kinh tế, do đó rủi ro nhập khẩu lạm phát là không thể tránh khỏi trong bối cảnh các nền kinh tế là đối tác thương mại lớn, quan trọng hàng đầu của Việt Nam như Mỹ, EU, Hàn Quốc... đều dự báo lạm phát ở mức đáng lo ngại.

(3). Tổng cầu tăng đột biến trong bối cảnh đứt gãy chuỗi cung ứng.

Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội với quy mô 350 nghìn tỷ đồng, cùng với các gói hỗ trợ của năm 2021 đang thẩm thấu vào mọi lĩnh vực của nền kinh tế sẽ làm cho tổng cầu tăng đột biến, nhu cầu tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ tăng mạnh sau thời gian dài chịu ảnh hưởng của đại dịch là áp lực lớn lên lạm phát trong năm 2022 và 2023.

Dự báo lạm phát năm 2022 và 2023

Dự báo của các tổ chức:

- IMF khu vực châu Á - Thái Bình Dương nhấn mạnh châu lục này đang phải đối mặt với nguy cơ lạm phát đình trệ với dự báo lạm phát tại châu Á sẽ tăng 3,2% trong năm 2022, cao hơn nhiều so với dự báo đưa ra trước đây, đồng thời hạ dự báo tăng trưởng của châu Á xuống còn 4,9%, do tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc giảm tốc.
- IMF dự báo lạm phát năm 2022 của Việt Nam tăng 3,9%, sát ngưỡng mục tiêu kiểm soát 4% đặt ra,
- Ngân hàng Standard Chartered dự báo lạm phát năm 2022 của Việt Nam vượt mục tiêu 4% Quốc hội đề ra và có thể lên 5,5% trong năm 2023.
- Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC) dự báo nếu giá dầu bình quân năm 2022 ở mức 80 USD/thùng lạm phát năm 2022 của Việt Nam có thể đạt mức 4,5%; tuy nhiên nếu giá dầu duy trì trên ngưỡng 100 USD/thùng lạm phát có thể tăng lên mức 5,1%.

Dự báo lạm phát năm 2022 và 2023

Căn cứ vào các yếu tố tác động từ lạm phát chuỗi cung ứng; thiếu hụt nguồn cung; tổng cầu tăng đột biến; thiếu hụt lao động và dự kiến tăng lương tối thiểu vùng; bên cạnh đó, giá xăng dầu, giá điện dự báo tăng do nhu cầu sản xuất và tiêu dùng tăng trong thời gian tới; giá lương thực gia tăng theo giá lương thực thế giới; giá thực phẩm, đặc biệt giá thịt dự báo tăng vì giá thức ăn chăn nuôi tăng do đứt gãy chuỗi cung ứng và nhu cầu tiêu dùng cuối năm tăng, dự báo lạm phát Việt Nam trong thời gian tới như sau:

- Dự báo lạm phát của Việt Nam năm 2022 nằm trong khoảng 4% - 4,5%.
- Với độ trễ của gói phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội và dự báo năm 2023 lạm phát vẫn ở mức cao so với lạm phát mục tiêu của các nền kinh tế là đối tác quan trọng của kinh tế Việt Nam, dự báo lạm phát năm 2023 của Việt Nam khoảng 5%- 5,5%.
- Lạm phát cả giai đoạn 2021-2025 khoảng 4% - đạt mục tiêu kế hoạch đề ra trong kiểm soát lạm phát cả thời kỳ kế hoạch 5 năm.

Giải pháp kiểm soát lạm phát trong thời gian tới

- (1). Chính phủ cần kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính, rà soát bãi bỏ các quy định không hợp lý.
- (2). Chính phủ, các bộ, ngành liên quan, đặc biệt cộng đồng doanh nghiệp cần đa dạng nguồn cung.
- (3). Bộ Công Thương và Bộ Tài chính cần minh bạch và đơn giản hoá quy trình thương mại; khuyến khích và đẩy mạnh chia sẻ thông tin về thương mại và giá cả; thúc đẩy cạnh tranh trong nước đối với lĩnh vực logistics, thương mại bán buôn và bán lẻ để giảm chi phí thương mại trong nước và quốc tế, giữ khả năng cạnh tranh và thị phần của hàng hoá Việt trên thị trường thế giới. Cùng với đó, tăng cường thanh tra, kiểm tra, kiên quyết xử lý nghiêm nếu phát hiện có hành vi đầu cơ, tích trữ, thao túng giá. Đối với các mặt hàng thiếu hụt trong dài hạn cần có chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư sản xuất các mặt hàng này, chủ động nguồn nguyên vật liệu, tăng tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế.
- (4). Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Tài chính phối hợp chặt chẽ, thực hiện hài hoà chính sách tài khoá và tiền tệ. Sử dụng chính sách tiền tệ đúng liều lượng, hợp lý, không quá chú trọng vào chính sách tiền tệ để tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng vì hỗ trợ tín dụng và hạ lãi suất cho vay dẫn tới gia tăng lạm phát và rủi ro cho hệ thống ngân hàng.

Giải pháp kiểm soát lạm phát trong thời gian tới

(5). Cộng đồng doanh nghiệp cần chủ động chuẩn bị đầy đủ các điều kiện đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, bảo đảm nguồn cung và lưu thông hàng hóa. Đối với các mặt hàng thiếu hụt trong ngắn hạn cần có giải pháp nhập khẩu kịp thời nguyên vật liệu, cắt giảm chi phí sản xuất; đối với các mặt hàng thiếu hụt dài hạn cần chủ động tìm kiếm nguồn hàng và đối tác cung ứng thay thế.

(6). Bộ Công Thương cần nắm bắt kịp thời giá xăng dầu thế giới, nâng cao năng lực và chất lượng dự báo, có giải pháp tổng thể đảm bảo đầy đủ nguồn cung xăng dầu dài hạn hơn. Bộ Tài chính cần rà soát và tính toán lại các mức chi phí trong cơ cấu tính giá cơ sở mặt hàng xăng dầu và các loại thuế, phí nhằm bảo đảm tính đúng, tính đủ, hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu, người tiêu dùng và doanh nghiệp sử dụng xăng dầu.

(7). Ban Chỉ đạo điều hành giá của Chính phủ cần theo dõi chặt chẽ diễn biến giá cả, lạm phát trên thế giới, kịp thời cảnh báo các nguy cơ gây nên lạm phát trong nước; chỉ đạo các Bộ liên quan thực hiện hiệu quả và linh hoạt vai trò điều tiết, bình ổn giá các mặt hàng nhà nước quản lý.

(8). Bên cạnh đó, các cơ quan truyền thông cần thực hiện hiệu quả hoạt động truyền thông nhằm thông tin kịp thời, chính xác và rõ ràng về các chính sách, giải pháp chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, loại bỏ thông tin sai lệch về giá cả thị trường, không để xảy ra hiện tượng lạm phát do tâm lý từ thông tin sai gây ra.

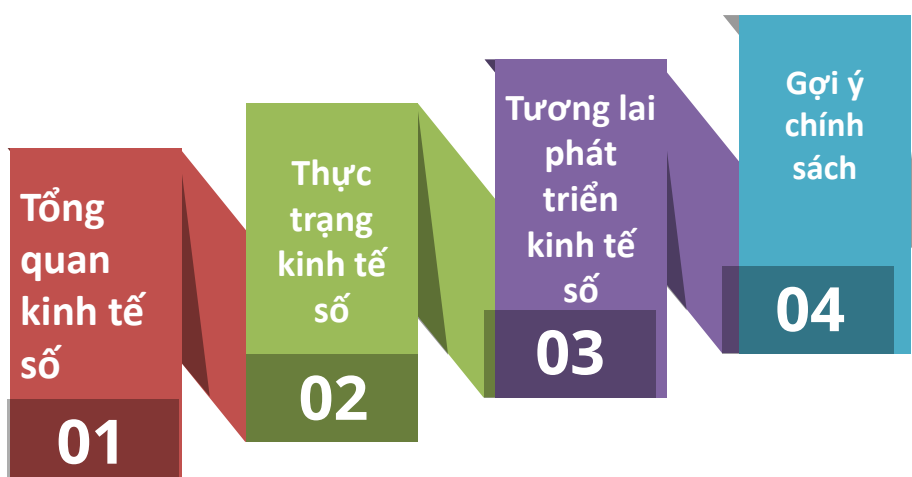
**THANK YOU
FOR YOUR ATTENTION!**

KINH TẾ SỐ - NGUỒN LỰC & ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG

GS. TS Trần Thọ Đạt,
Thành viên Tổ tư vấn kinh tế
của Thủ tướng
Thành viên Hội đồng biên tập,
Tạp chí Kinh tế và Dự báo,
Bộ KH&ĐT

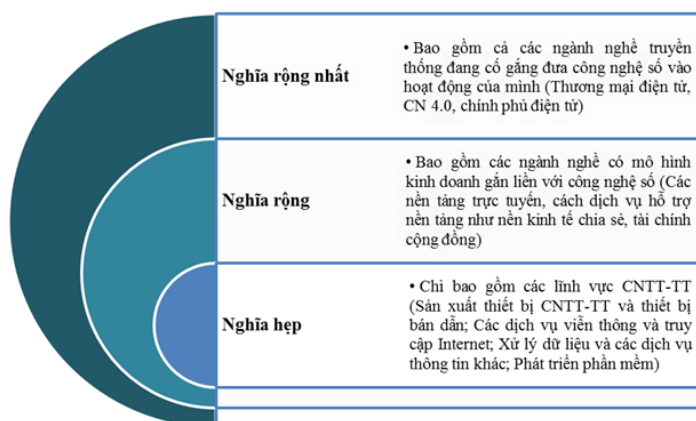


Nội dung





Khái niệm và đo lường kinh tế số



Kinh tế số là toàn bộ hoạt động kinh tế dựa trên nền tảng số, và phát triển kinh tế số là sử dụng công nghệ số và dữ liệu để tạo ra những mô hình kinh doanh mới

Nguồn: Buhkt and Heeks (2017)

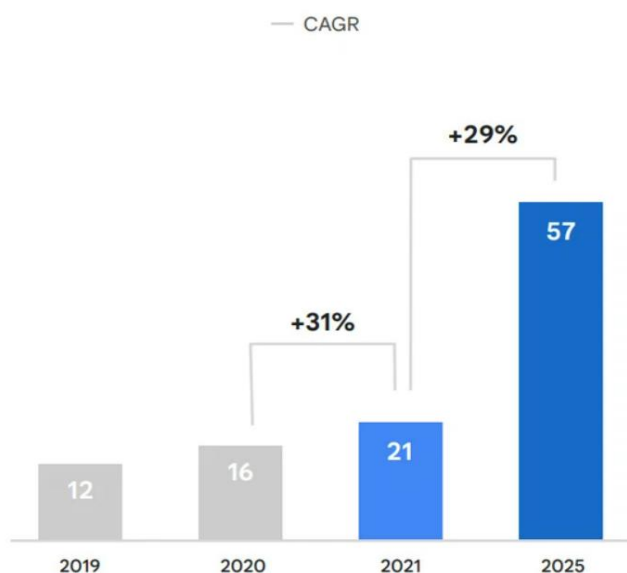
Tương lai Kinh tế số ở Việt Nam



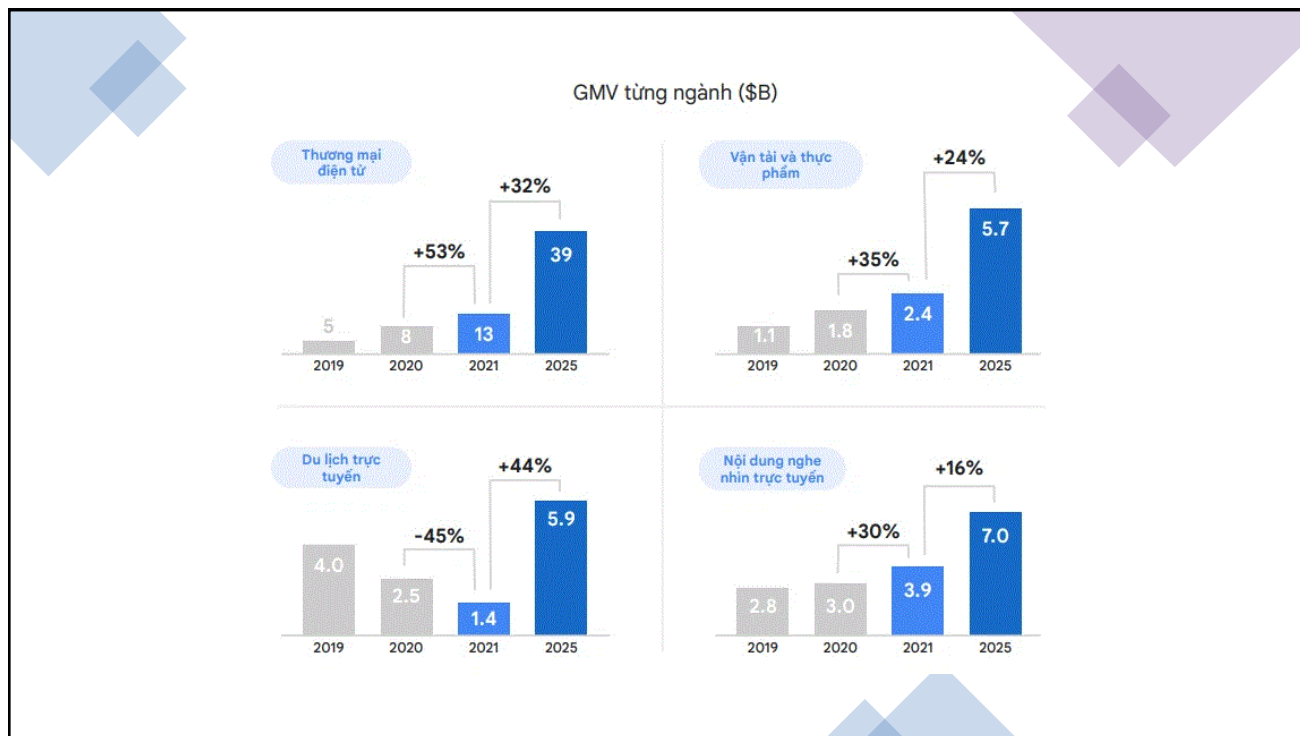
VAI TRÒ KINH TẾ SỐ

- Để trở thành nền kinh tế bậc cao, Việt Nam cần nâng cao hiệu suất sử dụng nguồn lực.
- Kinh tế số là nguồn, động lực tăng trưởng mới, quan trọng nhất
 - Vai trò của dữ liệu, thách thức mô hình kinh tế truyền thống
 - Đo lường, đánh giá tác động, tốc độ tăng trưởng
 - Góp phần tăng trưởng bền vững, bao trùm
 - Tăng cường sức chống chịu, thích ứng, kiên cường.
 - Tối ưu hóa nguồn lực, thay đổi thứ hạng,...
- Chuyển đổi số được xác định là một trong những ưu tiên để nâng cao năng suất (nghịch lý CNTT và NSLĐ?).
- Khủng hoảng COVID-19 đẩy nhanh tốc độ chuyển đổi số ở Việt Nam

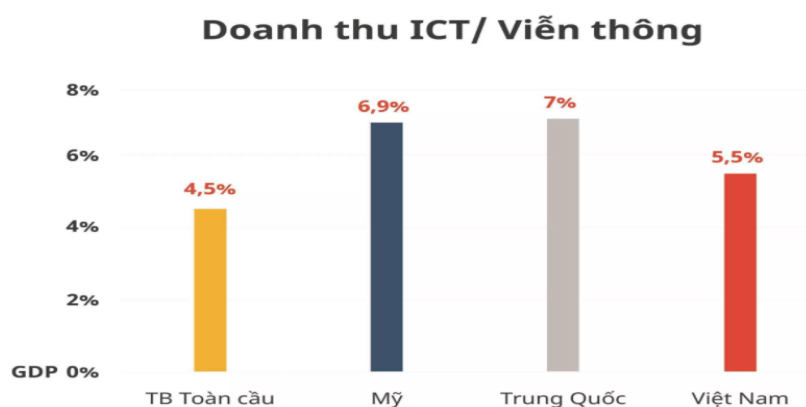
Nền kinh tế Internet theo GMV (tỷ đô la Mỹ)



Theo báo cáo SEA 2021 của Google, Temasek và Bain eConomy, tổng giá trị giao dịch kỹ thuật số của Việt Nam được dự báo sẽ đạt 220 tỷ USD vào năm 2030, đứng thứ hai Đông Nam Á, chỉ sau Indonesia.



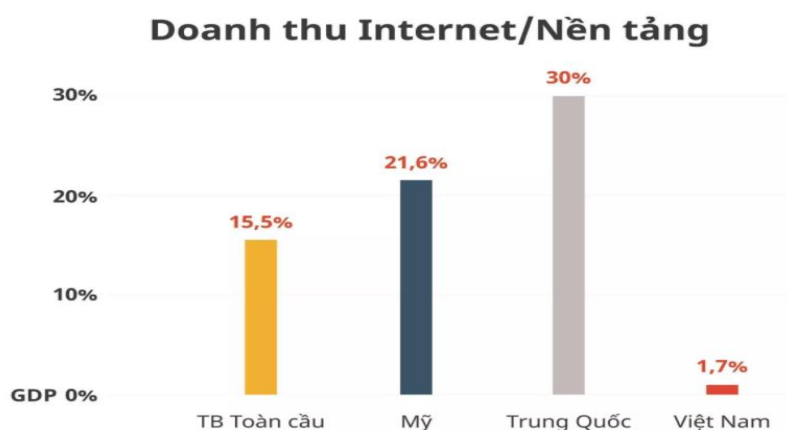
Tiềm năng tăng trưởng kinh tế số ở Việt Nam



Nguồn: <https://vietnamnet.vn/vn/cong-nghe/du-dia-tang-truong-cua-viet-nam-nam-o-kinh-te-so-775481.html>



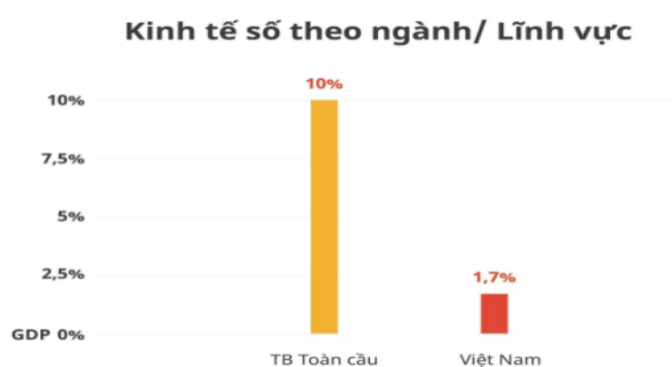
Tiềm năng tăng trưởng kinh tế số ở Việt Nam



Nguồn: <https://vietnamnet.vn/vn/cong-nghe/du-dia-tang-truong-cua-viet-nam-nam-o-kinh-te-so-775481.html>



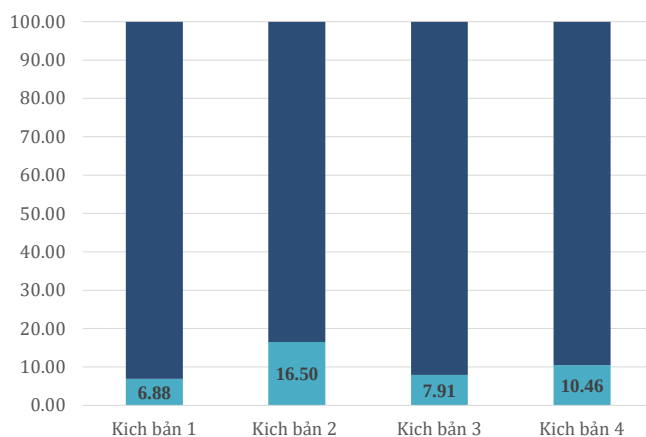
Tiềm năng tăng trưởng kinh tế số ở Việt Nam



Nguồn: <https://vietnamnet.vn/vn/cong-nghe/du-dia-tang-truong-cua-viet-nam-nam-o-kinh-te-so-775481.html>



Đóng góp của KTS đến 100% tăng trưởng NSLĐ tổng thể, 2020 - 2030

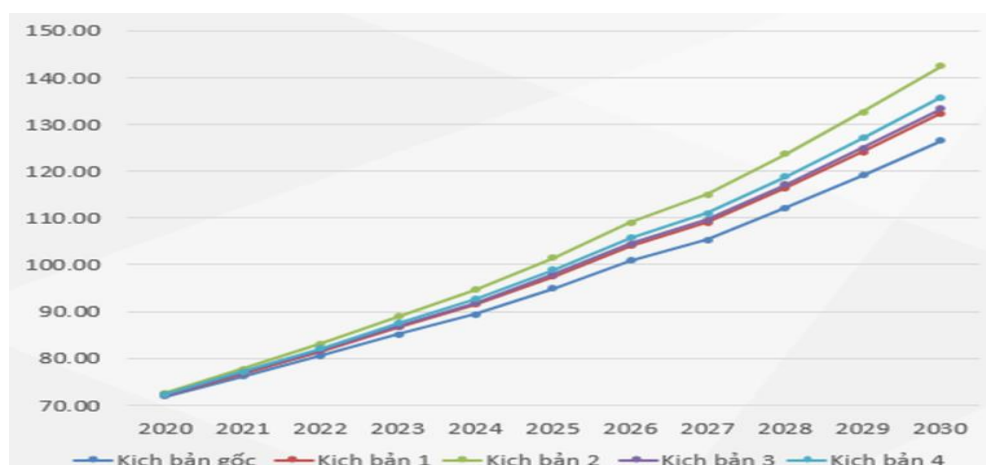


Trong cả giai đoạn 2020 - 2030, trung bình mỗi năm, chỉ riêng KTS đóng góp **từ 6,88% đến 16,50%** trong 100% tốc độ tăng NSLĐ tổng thể của cả nền kinh tế.

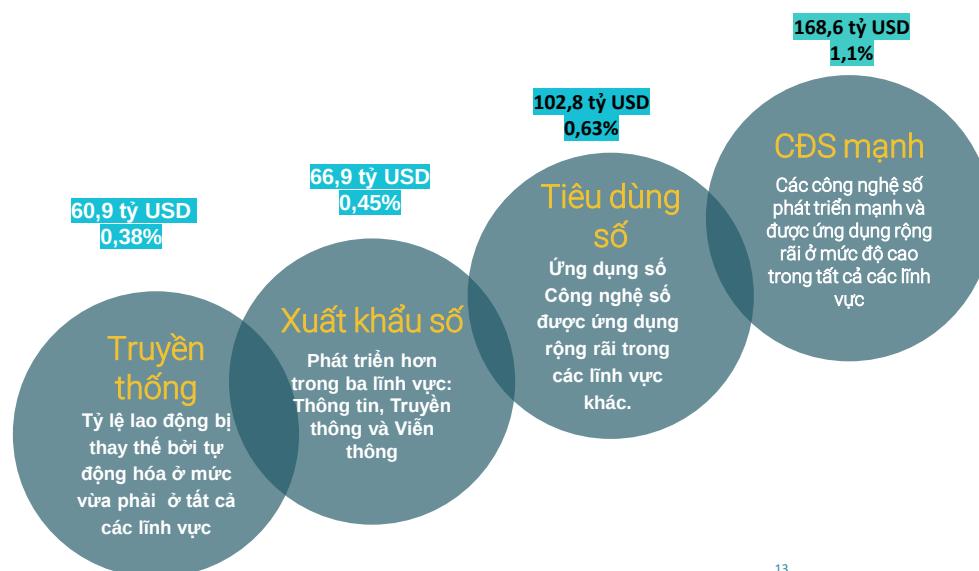
➡ Đóng góp của KTS là **rất quan trọng** đến năng suất và hiệu quả của nền kinh tế trong thập kỷ tới và là một động lực mới cho cải thiện nhanh chóng NSLĐ.

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

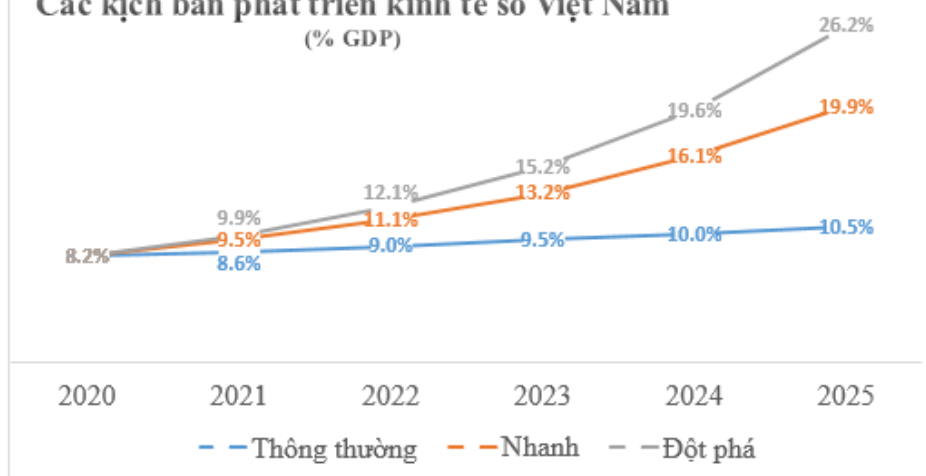
Thay đổi NSLĐ theo kịch bản phát triển kinh tế so với kịch bản gốc (Đơn vị: triệu đồng/lao động, giá so sánh 2010)



Các kịch bản chuyển đổi số tác động đến tăng trưởng: đóng góp GDP và tăng trưởng hàng năm đến 2045



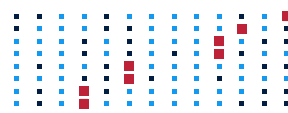
Các kịch bản phát triển kinh tế số Việt Nam (% GDP)



Liệu Việt Nam đã sẵn sàng để trở thành công xưởng thế giới về công nghệ số (WB)?

Kết nối

Chi phí thuê bao băng thông rộng cố định hàng tháng
Giá cước trả trước 500 MB thiết bị cầm tay
Số lượng thuê bao băng thông rộng cố định
Số lượng thuê bao điện thoại di động
Mức độ bao phủ của tối thiểu LTE/WIMAX
Tốc độ: USB 1GB; Trả sau
Tốc độ băng thông rộng cố định; băng 4G/LTE
Chỉ số áp dụng công nghệ số



Kết nối tốt, giá cả hợp lý nhưng tốc độ còn chậm

Làm chủ

Năng lực quản lý nhà nước về nội dung trực tuyến của Chính phủ
Khả năng thích ứng của khung pháp lý với mô hình kinh doanh số
Tỷ lệ nhập học, sau phổ thông
Kỹ năng số trong dân số có hoạt động KTXH
Bộ kỹ năng của sinh viên tốt nghiệp



Kỹ năng số còn yếu và khung pháp lý chưa đồng bộ

Đổi mới sáng tạo

Mức độ quan tâm các ý tưởng đột phá của doanh nghiệp
Mức độ tinh tế của người mua
Mức độ tăng trưởng của doanh nghiệp đổi mới sáng tạo
Số lượng ứng dụng bằng sáng chế PIS theo đầu người
Chỉ số dịch vụ trực tuyến



Năng lực đổi mới sáng tạo còn yếu và mức độ của người sử dụng chưa cao

Bảo vệ

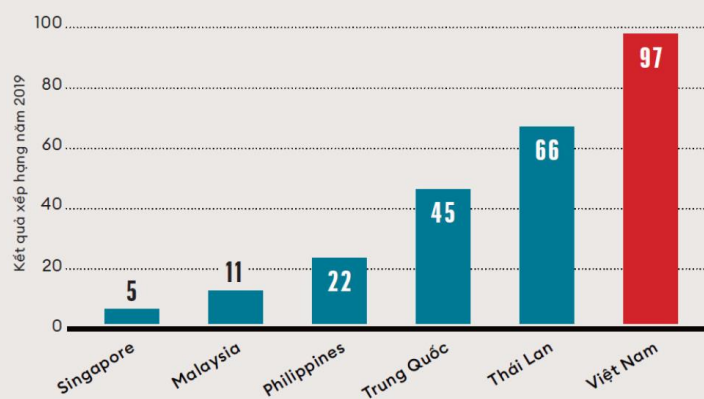
Mức độ chia sẻ của truyền thông trực tuyến
Điểm chỉ số an ninh mạng toàn cầu
Mức độ theo dõi mạng xã hội của Chính phủ
Mức độ cạnh tranh trong các dịch vụ mạng
Mức độ kiểm duyệt mạng xã hội của Chính phủ trong thực tế
Mức độ sàng lọc internet của Chính phủ trong thực tế



An ninh tốt nhưng bảo mật cá nhân chưa mạnh

■ Việt Nam ■ Tương đương ■ Phát triển hơn

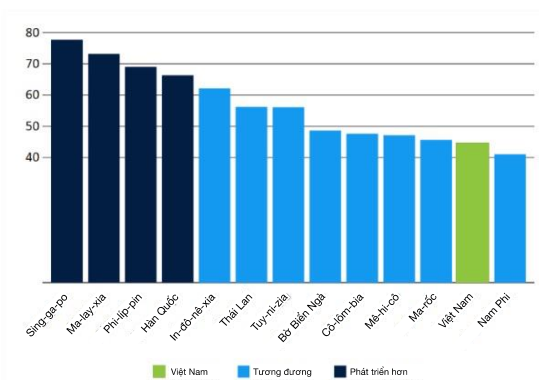
VIỆT NAM XẾP HẠNG CUỐI TRONG KHU VỰC VỀ KỸ NĂNG SỐ HIỆN CÓ CỦA LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG



Nguồn: Báo cáo năng lực cạnh tranh của Diễn đàn Kinh tế Thế giới, năm 2019.

Nâng cấp kỹ năng số (WB)

Việt Nam đang đi sau về kỹ năng số của nhóm dân số tham gia các hoạt động kinh tế xã hội

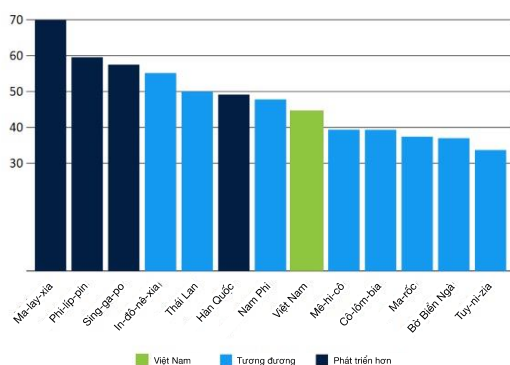


Tại sao lại quan trọng: Chuyển đổi số có thể làm mất đi 1/3 việc làm hiện có ở Việt Nam, đồng thời nó có thể tạo ra việc làm mới nhưng với những kỹ năng khác.

Cần làm gì: Có được kỹ năng mới đòi hỏi đầu tư cá nhân và tập thể của người lao động và doanh nghiệp, vai trò của nhà nước?

Khuyến khích doanh nghiệp nâng động đổi mới sáng tạo (WB)

Chưa có đủ doanh nghiệp theo đuổi những ý tưởng đột phá



Tại sao lại quan trọng : Vì chu kỳ đổi mới sáng tạo bị rút ngắn trong nền kinh tế số, doanh nghiệp có thể bị lỗi thời rất nhanh (v.d. Blackberry hay Nokia).

Cần làm gì : Khu vực tư nhân tại Việt Nam cần duy trì lợi thế, với thử thách là cạnh tranh.

Tăng cường khả năng tiếp cận và chất lượng thông tin (WB)

Tại sao lại quan trọng : Khả năng truy cập thông tin và dữ liệu chính là hàng hóa công cộng theo định nghĩa vì lợi ích chia sẻ thông tin lớn hơn rất nhiều so với chi phí thu thập thông tin.

Cần làm gì : Cải thiện về thu thập và cho phép mọi người truy cập thông tin, đồng thời cân đối giữa bảo mật cá nhân và an ninh.

Hành động của Chính phủ :

- i. chia sẻ dữ liệu công trực tuyến;
- ii. phát triển khả năng tương tác liên thông giữa các cơ sở dữ liệu;
- iii. khuyến khích khu vực tư nhân thu thập và chia sẻ dữ liệu khi các nền tảng và công cụ số mới làm giảm độc quyền của Nhà nước.
- iv. Bộ chỉ số đo lường kinh tế số và công bố định kỳ.

Trọng tâm chính sách kinh tế số

1. Bộ chỉ số đánh giá toàn diện cấu trúc kinh tế số của cả nước, ngành/tỉnh

2. Đánh giá thực trạng theo các cấu phần kinh tế số



3. Đặt ra mục tiêu cụ thể phát triển kinh tế số, chú ý liên kết vùng

5. Khả năng về nguồn lực và khung thời gian thực hiện

4. Xây dựng các kịch bản phát triển kinh tế số gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế



TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM
FUELLING VALUES TO LIFE



Toà nhà PV GAS Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Phước Kiến, Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-28) 3781 6777 | Fax: (84-28) 3781 5666 | Email: pvgas@pvgas.com.vn | Website: <http://www.pvgas.com.vn>

DIỄN ĐÀN
DỰ BÁO KINH TẾ
VIỆT NAM 2022-2023

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

DIỄN ĐÀN

Dự báo kinh tế Việt Nam 2022-2023:

Kịch bản tăng trưởng và triển vọng một số ngành kinh tế chính

Ngày 12/5/2022, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, Cơ quan của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức Diễn đàn “Dự báo kinh tế Việt Nam 2022-2023: Kịch bản tăng trưởng và triển vọng một số ngành kinh tế chính” tại Trung tâm Hội nghị Quốc tế, 35 Hùng Vương, Hà Nội. Diễn đàn thu hút sự tham gia của các nhà quản lý, nhà khoa học, một số hiệp hội, doanh nghiệp, đại diện cơ quan truyền thông, báo chí và khoảng 200 đại biểu trực tiếp tham dự sự kiện.

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TẠP CHÍ KINH TẾ VÀ DỰ BÁO

DIỄN ĐÀN
DỰ BÁO KINH TẾ
VIỆT NAM 2022-2023

KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG VÀ TRIỂN VỌNG MỘT SỐ NGÀNH KINH TẾ CHÍNH

HÀ NỘI, 12.5.2022

ĐỊA CHỈ: TRUNG TÂM HỘI NGHỊ QUỐC TẾ
SỐ 35 HÙNG VƯƠNG, PHƯỜNG ĐIỆN BIÊN, QUẬN BA ĐÌNH, TP. HÀ NỘI

 ÔNG NGUYỄN QUANG THUẬN, CHỦ TỊCH FIINGROUP	 ÔNG PHAN ĐỨC HIẾU ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC ỦY BAN KINH TẾ CỦA QUỐC HỘI	 ÔNG FRANCOIS PAINCHAUD TRƯỞNG ĐẠI DIỆN QUỸ TIỀN TỆ QUỐC TẾ TẠI VIỆT NAM	 ÔNG TRẦN QUỐC PHƯƠNG THỦ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	 GS. TS. TRẦN THỌ ĐẠT THÀNH VIÊN TỔ TƯ VẤN KINH TẾ CỦA THỦ TƯỚNG, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP TẠP CHÍ KINH TẾ VÀ DỰ BÁO	 TS. NGUYỄN BÍCH LÂM NGUYÊN TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỐNG KÊ	 TS. CÁN VĂN LỰC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TƯ VẤN CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH TIỀN TỆ QUỐC GIA
---	---	--	---	--	--	---



Các diễn giả chính tham dự Diễn đàn gồm: Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Trần Quốc Phương; Ông Phan Đức Hiếu, Ủy viên thường trực Ủy ban Kinh tế của Quốc hội; Ông Francois Painchaud, Trưởng đại diện Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) tại Việt Nam; TS. Cán Văn Lực, Thành viên Hội đồng Tư vấn Chính sách Tài chính Tiền tệ Quốc gia; TS. Nguyễn Bích Lâm, nguyên Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê; Ông Nguyễn Quang Thuận, Chủ tịch FiinGroup; GS, TS. Trần Thọ Đạt, Thành viên Tổ tư vấn kinh tế của Thủ tướng, Thành viên Hội đồng Biên tập Tạp chí Kinh tế và Dự báo.

Bà Nguyễn Lệ Thủy, Tổng Biên tập Tạp chí Kinh tế và Dự báo cho biết, Diễn đàn nhằm kết nối các nhà hoạch định chính sách, nhà khoa học, doanh nghiệp cùng chia sẻ góc nhìn, bình luận, dự báo kịch bản tăng trưởng kinh tế Việt Nam 2022-2023 và triển vọng tăng trưởng của các ngành kinh tế chính. Đây là vấn đề được rất nhiều chủ thể quan tâm trong bối cảnh đại dịch Covid-19 chưa có hồi kết và cuộc xung đột Nga - Ukraine ngày một căng thẳng, đang tạo nên những thay đổi rất lớn về cơ hội và thách thức phát triển kinh tế của các quốc gia trên toàn cầu, trong đó có Việt Nam.

ĐƠN VỊ QUẢNG CÁO
TRUYỀN THÔNG VÀNG



ĐƠN VỊ QUẢNG CÁO TRUYỀN THÔNG BẠC



ĐƠN VỊ QUẢNG CÁO
TRUYỀN THÔNG ĐỒNG



Phát biểu khai mạc Diễn đàn, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Trần Quốc Phương cho biết, năm 2022 là năm có ý nghĩa quan trọng, tạo nền tảng thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch 5 năm 2021-2025 của Việt Nam. Dự báo tình hình quốc tế, trong nước có những thuận lợi, cơ hội và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn, đầu năm 2022, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/1/2022 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/1/2022 về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình.

Tại Nghị quyết số 01, Chính phủ đặt ra các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của năm 2022, theo đó; Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) đạt khoảng 6-6,5%; GDP bình quân đầu người đạt khoảng 3.900 USD; Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP đạt khoảng 25,5-25,8%; Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng 4%; Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân khoảng 5,5%; Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội đạt 27,5%. Cùng với đó, tại Nghị quyết số 11/NQ-CP, Chính phủ đặt mục tiêu phục hồi, phát triển nhanh hoạt động sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy các động lực tăng trưởng, ưu tiên một số ngành, lĩnh vực quan trọng, phấn đấu đạt mục tiêu của giai đoạn 2021 - 2025 với tăng trưởng GDP bình quân 6,5 - 7%/năm; tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%; giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn trong trung hạn và dài hạn...

Thứ trưởng Trần Quốc Phương cho biết, đi qua 4 tháng đầu năm 2022, mặc dù tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, nhưng nhìn chung nền kinh tế nước ta tiếp tục phục hồi và có nhiều dấu hiệu khởi sắc ở một số ngành, lĩnh vực. Cụ thể, tăng trưởng GDP quý I/2022 ước đạt 5,03% so với cùng kỳ; lạm phát được kiểm soát, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) 4 tháng đầu năm 2022 tăng 2,1%, các cân đối lớn về tài chính, tiền tệ, tín dụng cơ bản được bảo đảm, thu ngân sách nhà nước đạt kết quả khả quan.

Điều đáng mừng là quý I/2022, Chỉ số Môi trường kinh doanh của Việt Nam tăng lên 73 điểm phần trăm, tăng 12 điểm phần trăm so với quý IV/2021, là mức cao nhất kể từ sau đợt dịch bùng phát lần thứ 4. Số doanh nghiệp thành lập mới trong 4 tháng đầu năm 2022 đạt 49.591 doanh nghiệp, là mức cao nhất trong giai đoạn 4 tháng đầu năm từ trước đến nay tại Việt Nam. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 4 tháng đầu năm 2022 ước đạt 5,92 tỷ USD, là giá trị cao nhất trong 4 tháng đầu năm trong các năm 2018-2022, tạo động lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế năm 2022.

Cũng theo Thứ trưởng Trần Quốc Phương, từ đầu năm đến nay, nước ta đã chứng kiến một số dự báo lạc quan từ các tổ chức quốc tế, như Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam sẽ phục hồi ở mức 6,5% năm 2022 và đạt 6,7% năm 2023; Ngân hàng Thế giới dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam sẽ đạt 5,3% năm 2022, sau đó sẽ ổn định trở lại quanh mức 6,5%. Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) hạ dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2022 xuống mức 3,6%, nhưng tin rằng, tại Việt Nam, tiến trình phục hồi kinh tế sẽ mạnh lên từ việc thực thi Chương trình Phục hồi và phát triển kinh tế xã hội. GDP Việt Nam sẽ tăng trưởng ở mức 6% trong năm 2022 và 7,2% trong năm 2023...

Bên cạnh những dự báo lạc quan, rất cần nhìn nhận một thực tế là khó khăn, thách thức đang ngày càng lớn khi đại dịch Covid-19 chưa kết thúc trong bối cảnh bức tranh kinh tế - chính trị quốc tế đang có những biến động rất lớn. Thứ trưởng Trần Quốc Phương cho rằng, công tác dự báo về triển vọng kinh tế vĩ mô cũng như kinh tế ngành cần được cập nhật dựa trên những phân tích khoa học, chuyên sâu và đa chiều. Đây là những nỗ lực rất cần thiết, nhằm góp sức cho công tác hoạch định chính sách cũng như hoạt động của các nhà đầu tư, các doanh nghiệp, để cùng hiện thực hóa mục tiêu phát triển Đất nước như các Nghị quyết của Chính phủ đã đề ra.

ĐƠN VỊ QUẢNG CÁO
TRUYỀN THÔNG VÀNG



ĐƠN VỊ QUẢNG CÁO TRUYỀN THÔNG BẠC



ĐƠN VỊ QUẢNG CÁO
TRUYỀN THÔNG ĐỒNG



Tại Diễn đàn, ông Phan Đức Hiếu, Ủy viên thường trực Ủy ban Kinh tế của Quốc hội nhận định, Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ (ban hành tại Nghị quyết số 11/NQ-CP) tạo cơ hội để khôi phục nhanh chuỗi sản xuất, cung ứng, lao động, thúc đẩy các động lực tăng trưởng, phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng bình quân 6,5 - 7%/năm giai đoạn 2021-2025. Theo tính toán của Chính phủ khi trình Quốc hội thông qua Nghị quyết về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình trên, việc thực hiện Chương trình được dự báo góp phần tăng trưởng GDP thêm khoảng 2,9% trong năm 2022 và 0,2% trong năm 2023, tạo điều kiện hoàn thành mục tiêu tăng trưởng GDP bình quân 6,5 - 7%/năm trong giai đoạn 2021-2025; bảo đảm ổn định việc làm, thu nhập cho người lao động, giữ tỷ lệ thất nghiệp ở mức ổn định khoảng 2-3%.

Cũng theo ông Phan Đức Hiếu, xét về quy mô, tổng mức hỗ trợ tài khóa, tiền tệ và các hỗ trợ khác của Chương trình vào khoảng 346.800 tỷ đồng, tương đương 4,24% GDP. Trước khi có Chương trình này, trong năm 2021, nhiều chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ người dân và doanh nghiệp đã được thực hiện, với tổng quy mô các chính sách chi hỗ trợ từ tài khóa và ngoài tài khóa là 269.464 tỷ đồng, tương đương 3,2% GDP.

Tính chung trên bình diện quốc tế, quy mô các giải pháp hỗ trợ tài khóa và tiền tệ ở các nước phát triển lần lượt khoảng 10,9% GDP và 8,6% GDP; các nước mới nổi là 4,3% GDP và 3,4% GDP; các nước thu nhập thấp (trong đó có Việt Nam) là 3,2% GDP và 0,7% GDP. Một số nước xung quanh cũng đã ban hành hỗ trợ tương tự với quy mô khác nhau: Thái Lan tương đương 15% GDP, Malaysia 8,8% GDP, Indonesia 5,4% GDP, Trung quốc 6,1% GDP... So sánh quốc tế và khu vực, thì Chương trình của nước ta có quy mô tương đối lớn, phù hợp tình hình - hoàn cảnh trong nước với yêu cầu kiểm soát rủi ro vĩ mô.

Trong bối cảnh mới, để thực hiện thành công Chương trình Phục hồi và phát triển kinh tế của Chính phủ, ông Phan Đức Hiếu cho rằng, nhất thiết phải đáp ứng được 3 yêu cầu chính. Thứ nhất, phải khẩn trương, kịp thời hiện thực hóa các hỗ trợ đến tay người dân và doanh nghiệp. Thứ hai, hiệu quả, khả năng hấp thụ, tránh dàn trải, lãng phí nguồn lực là những yêu cầu quan trọng để giúp đạt mục tiêu phục hồi, phát triển nhanh sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng. Thứ ba, công khai, minh bạch vừa là giải pháp vừa là yêu cầu để nâng cao hiệu lực, hiệu quả và hoàn thành mục tiêu Chương trình.

Cũng theo ông Phan Đức Hiếu, để Chương trình thực sự là “phao cứu sinh” phục hồi và vực dậy nền kinh tế, đòi hỏi nỗ lực của tất cả các bên, từ Nhà nước đến người dân và doanh nghiệp. “Bản thân mỗi doanh nghiệp trước hết tự thay đổi để thích ứng với thay đổi trong bối cảnh mới. Doanh nghiệp cần năng động, chủ động, sáng tạo hơn, quản trị tốt hơn để thích ứng tốt hơn với xu hướng kinh doanh mới, thói quen tiêu dùng mới và công nghệ mới”.

Chia sẻ bức tranh dự báo lạm phát Việt Nam giai đoạn 2022-2023, TS. Nguyễn Bích Lâm, nguyên Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê nhận định, với độ trễ của gói phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội tại Việt Nam, đặt trong bối cảnh năm 2023 lạm phát vẫn ở mức cao so với lạm phát mục tiêu của các nền kinh tế là đối tác quan trọng của kinh tế Việt Nam, lạm phát của nước ta có thể vượt qua ngưỡng 5% trong năm này.

Theo TS. Nguyễn Bích Lâm, ngay khi đại dịch được kiểm soát, các quốc gia đã thực hiện chính sách tài khóa nghịch chu kỳ với các gói kích thích kinh tế và chính sách tiền tệ nới lỏng nhằm phục hồi, đưa nền kinh tế trở lại quỹ đạo năm 2019 - năm trước đại dịch. Tuy nhiên, các yếu tố về nguồn cung, căng thẳng địa chính trị đưa đến rủi ro làm gia tăng lạm phát trên toàn cầu.

ĐƠN VỊ QUẢNG CÁO
TRUYỀN THÔNG VÀNG



ĐƠN VỊ QUẢNG CÁO TRUYỀN THÔNG BẠC



ĐƠN VỊ QUẢNG CÁO
TRUYỀN THÔNG ĐỒNG



Với Việt Nam, gần đây, IMF dự báo lạm phát năm 2022 nước ta tăng 3,9%, sát ngưỡng mục tiêu kiểm soát 4% đặt ra; Ngân hàng Standard Chartered dự báo lạm phát năm 2022 của Việt Nam vượt mục tiêu 4% Quốc hội đề ra và có thể lên 5,5% trong năm 2023. Trong khi đó, dựa trên yếu tố giá dầu thô tăng cao, Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC) dự báo, nếu giá dầu bình quân năm 2022 ở mức 80 USD/thùng lạm phát năm 2022 của Việt Nam có thể đạt mức 4,5%; tuy nhiên nếu giá dầu duy trì trên ngưỡng 100 USD/thùng lạm phát có thể tăng lên mức 5,1%...

Vậy làm thế nào để thực hiện thành công mục tiêu lạm phát mà Quốc hội đề ra? TS. Nguyễn Bích Lâm cho rằng, Chính phủ, các địa phương và cộng đồng doanh nghiệp cần thực hiện nhiều giải pháp. Tại Diễn đàn, TS. Nguyễn Bích Lâm đề xuất 8 giải pháp để lạm phát Việt Nam cả giai đoạn 2021-2025 khoảng 4%- đạt mục tiêu kế hoạch đề ra trong kiểm soát lạm phát cả thời kỳ kế hoạch 5 năm.

Đánh giá về kinh tế số - một động lực tăng trưởng mới tại Việt Nam - GS, TS. Trần Thọ Đạt, Thành viên Tổ tư vấn kinh tế của Thủ tướng, Thành viên Hội đồng Biên tập Tạp chí Kinh tế và Dự báo công bố các kịch bản dự báo tỷ trọng đóng góp của kinh tế số trong giai đoạn 2020 – 2030 tại Việt Nam. Theo đó, kinh tế số có thể đóng góp từ 6,88% đến 16,50% trong 100% tốc độ tăng năng suất lao động tổng thể của cả nền kinh tế trong thập niên này. GS. TS. Trần Thọ Đạt cho rằng, đóng góp của kinh tế số là rất quan trọng đến năng suất và hiệu quả của nền kinh tế trong thập kỷ tới và là một động lực mới cho cải thiện nhanh chóng năng suất lao động. Theo báo cáo SEA 2021 của Google, Temasek và Bain eConomy, tổng giá trị giao dịch kỹ thuật số của Việt Nam được dự báo sẽ đạt 220 tỷ USD vào năm 2030, đứng thứ hai Đông Nam Á, chỉ sau Indonesia.

Cũng liên quan đến kinh tế số, TS. Cấn Văn Lực nhận định, kinh tế internet tăng nhanh tại Philippines, Indonesia, Malaysia trong 2 năm qua, nhưng sẽ tăng nhanh hơn tại Việt Nam trong giai đoạn 2021-2025. Kinh tế số chính là một trong ba động lực rõ nét, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong giai đoạn tới.

Dựa trên phân tích ảnh hưởng của các diễn biến kinh tế lớn đến Việt Nam, TS. Cấn Văn Lực cập nhật dự báo 2 kịch bản cho tăng trưởng GDP năm 2022-2023. Theo đó, ở kịch bản cơ sở, GDP Việt Nam sẽ tăng từ 5,5-6% trong giai đoạn này, ở kịch bản tiêu cực, GDP năm 2022 - 2023 chỉ tăng trưởng 4,5-5%. Các biến số trong 2 kịch bản trên sẽ phụ thuộc vào mức độ thực hiện Chương trình phòng, chống dịch; Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội 2022-2023; và khả năng Việt Nam giảm thiểu tác động từ chiến sự Nga – Ukraina.

Dự báo bức tranh tăng trưởng các ngành kinh tế năm 2022-2023 nhìn từ chuỗi dữ liệu thực là một nỗ lực rất mới trong các nỗ lực dự báo kinh tế Việt Nam. Dựa trên nguồn dữ liệu từ khoảng 1.700 công ty đại chúng với tổng vốn hóa 6,7 triệu tỷ VND, chiếm 130% GDP năm 2021 và tổng doanh thu 2,8 triệu tỷ VND, chiếm 55% GDP năm 2021 của Việt Nam, cùng dữ liệu của các công ty chưa đại chúng, Chủ tịch FiinGroup Nguyễn Quang Thuân đã đưa ra một số phân tích và nhận định về triển vọng các ngành của Việt Nam và ngụ ý về chính sách, đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam.

Với phương pháp tiếp cận chủ yếu dựa trên dữ liệu (data-driven), ông Nguyễn Quang Thuân nhận định, các nhóm ngành đang hồi phục, nhưng hầu hết chưa về mức độ tăng trưởng trước khi COVID diễn ra. Tính đến thời điểm này, triển vọng tăng trưởng 2022 của hầu hết các ngành chính được dự báo tích cực. Tuy nhiên, một số ngành có sự hồi phục rất chậm, như hàng không và du lịch quốc tế; xây dựng và vật liệu, cần phải được kích hoạt để hồi phục mạnh hơn nữa, nhằm góp sức tăng trưởng kinh tế cao hơn, nhất là trong bối cảnh môi trường lãi suất đã “tạo đáy” và lạm phát có thể gia tăng vượt kỳ vọng.

ĐƠN VỊ QUẢNG CÁO
TRUYỀN THÔNG VÀNG



ĐƠN VỊ QUẢNG CÁO TRUYỀN THÔNG BẠC



ĐƠN VỊ QUẢNG CÁO
TRUYỀN THÔNG ĐỒNG



Tại Diễn đàn, chia sẻ đánh giá về kinh tế Việt Nam, ông Francois Painchaud, Đại diện thường trú của IMF tại Việt Nam và Lào cho rằng, Việt Nam đã duy trì thành công sự ổn định về tài khóa, cán cân đối ngoại và ổn định tài chính. Các chính sách kinh tế vĩ mô đã giúp giảm bớt tác động của COVID, đặc biệt, Chương trình Phục hồi và Phát triển kinh tế của Chính phủ được thực hiện một cách thích hợp và kịp thời để hỗ trợ phục hồi tăng trưởng chung. Tuy nhiên, sự phục hồi diễn ra không đồng đều và đang có một số rủi ro đối với triển vọng tăng trưởng. Theo ông Francois Painchaud, rủi ro đối với tăng trưởng nghiêng về tăng trưởng chậm lại trong khi rủi ro về lạm phát nghiêng về gia tăng lạm phát. Bên cạnh đó là các rủi ro khác như: việc thắt chặt các điều kiện tài chính toàn cầu, diễn biến trên thị trường bất động sản và trái phiếu doanh nghiệp trong nước...

Ông Francois Painchaud kiến nghị, chính sách tài khóa nên đi đầu trong việc hỗ trợ chính sách, đặc biệt nếu rủi ro suy giảm tăng trưởng trở thành hiện thực. Ông cũng kiến nghị Việt Nam cần hiện đại hóa chính sách tiền tệ và cần chấm dứt quy định cho phép cơ cấu nợ nhưng giữ nguyên nhóm nợ, đồng thời với việc tăng cường giám sát tài chính.

Về bức tranh kinh tế vĩ mô, Đại diện thường trú của IMF tại Việt Nam dự báo, kinh tế Việt Nam sẽ phục hồi mạnh hơn, với tăng trưởng dự kiến là 6% trong năm 2022 và 7,2% trong năm 2023. Tuy nhiên, lạm phát dự kiến sẽ tăng trong ngắn hạn.

Bên cạnh bức tranh dự báo kinh tế vĩ mô, các diễn giả, chuyên gia, doanh nghiệp đã cùng thảo luận về triển vọng kinh tế ngành giai đoạn 2022-2023 và xa hơn dựa trên phương pháp phân tích dữ liệu khoa học, để đưa ra những góc nhìn đáng tin cậy cho các nhà quản lý, các doanh nghiệp và nhà đầu tư đang quan tâm đến câu chuyện tăng trưởng của Việt Nam.

Diễn đàn được tổ chức với sự đồng hành của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN); Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP (PV GAS); Nhân hàng Đạm Phú Mỹ - NPK Phú Mỹ; và Công ty Cổ phần Thương mại xuất nhập khẩu Thủ Đức (Timexco).

Thông tin, các bài phát biểu tại Diễn đàn được đăng tải tại www.kinhtevadubao.vn

ĐƠN VỊ QUẢNG CÁO
TRUYỀN THÔNG VÀNG



ĐƠN VỊ QUẢNG CÁO TRUYỀN THÔNG BẠC



ĐƠN VỊ QUẢNG CÁO
TRUYỀN THÔNG ĐỒNG



DIỄN ĐÀN

DỰ BÁO KINH TẾ

VIỆT NAM 2022-2023

ĐƠN VỊ QUẢNG CÁO
TRUYỀN THÔNG VÀNG



ĐƠN VỊ QUẢNG CÁO TRUYỀN THÔNG BẠC



ĐƠN VỊ QUẢNG CÁO TRUYỀN THÔNG ĐỒNG

